**Điều chỉnh bổ sung sau bài dạy tuần 15**

Thứ sáu ngày 20 tháng 12 năm 2024

Tiết 3: Hoạt động trải nghiệm

- Tuyên dương một số em có ý thức học tập tốt trong học tập, hăng hái phát biểu xây dựng bài, tính toán nhanh và trình bày sạch sẽ: Trang, Ngọc Anh, Trúc Diễm, Trâm Anh, Tất Giang, Huy Đức.

- Trong lớp còn một em chưa tập trung học tập còn nói chuyện riêng và thường xuyên quên vở bài tập về nhà: Phát, Trần Gia Bảo, Khánh Ly, An Khang, Thanh Phương, Minh Đức.

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC TUẦN 16 – LỚP 5C ( Từ 23/12 đến 27/12/ 2024 )**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Tiết** | **Môn/GV** | **Tên bài** | **NDLG** |
| **Hai**  **23/12** | 1 | HĐTN1 | Trang phục truyền thống địa phương |  |
| 2 | Toán | Luyện tập chung (tiết 1) |  |
| 3 | Tiếng Việt 1 | **Bài đọc 1:** 32 phút giành sự sống | GDQCN |
| 4 | Tiếng Việt 2 | **Bài đọc 1:** 32 phút giành sự sống |  |
|  | 5 | Khoa học 1 | Sự sinh sản ở động vật đẻ trứng và động vật đẻ con (Tiết 1). |  |
|  | 6 | TV tăng - LV | Bài 15: Thư của cha |  |
|  | 7 | Đạo đức | Bài 6: Môi trường sống quanh em (Tiết 1). | QCN |
| **Ba**  **24/12** | 1 | Tiếng Việt 3 | **Bài viết 1:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc (Ôn tập) |  |
| 2 | Toán 2 | Luyện tập chung (tiết 2) |  |
| 3 | Thể dục | *Đ/c Hồng soạn và dạy* |  |
| 4 | Toán tăng | Ôn tập: Chia số thập phân |  |
| 5 | Mĩ thuật | *Đ/c Hải soạn và dạy* |  |
| 6 | Mĩ thuật | *Đ/c Hải soạn và dạy* |  |
| 7 | Âm nhạc | *Đ/c Hiền soạn và dạy* |  |
| **Tư**  **25/12** | 1 | Tiếng Việt 4 | **Trao đổi:** Vì cuộc sống yên bình | ANQP |
| 2 | Tiếng Việt 5 | **Bài đọc 2:** Chú công an | ANQP |
| 3 | Toán 3 | Sử dụng máy tính cầm tay (tiết 1) |  |
| 4 | Khoa học 2 | Sự sinh sản ở động vật đẻ trứng và động vật đẻ con (Tiết 2). |  |
|  | 5 | Tiếng Anh | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
|  | 6 | Tiếng Anh | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
|  | 7 | HĐTN2 | Lễ hội truyền thống địa phương | GDĐP |
|  | 1 | Tiếng Việt 6 | **Luyện từ và câu:**  Kết từ (Tiếp theo) |  |
| **Năm**  **26/12** | 2 | Toán | Sử dụng máy tính cầm tay (tiết 2) |  |
| 3 | LS - Địa lí | Triều Nguyễn (Tiết 1) |  |
| 4 | TV tăng | Luyện tập về đại từ, kết từ |  |
| 5 | Công nghệ | *Đ/c Phạm Hồng soạn và dạy* |  |
| 6 | Tin học | *Đ/c Phạm Hồng soạn và dạy* |  |
| 7 | Thể dục | *Đ/c Hồng soạn và dạy* |  |
|  | 1 | Tiếng Anh | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
|  | 2 | Tiếng Anh | *Đ/c Vân soạn và dạy* |  |
| **Sáu**  **27/12** | 3 | Toán | Tỉ lệ bản đồ (tiết 1) |  |
|  | 4 | HĐTN3 | Trò chơi Mảnh ghép lễ hội truyền thống |  |
|  | 5 | Tiếng Việt 7 | **Bài viết 2:** Viết đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội (Ôn tập) | KNS |
|  | 6 | Lịch sử - ĐL | Triều Nguyễn (Tiết 2) |  |
|  | 7 | TC – Toán | Luyện tập giải toán về tỉ số phần trăm |  |

**Tuần 16:**

Thứ hai ngày 23 tháng 12 năm 2024

Sáng:

Tiết 1: Hoạt động trải nghiệm 1

**SH DƯỚI CỜ: TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG**

**SHDC: TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG**

**Chủ điểm tháng 12“*Uống nước nhớ nguồn*” (tiết 4)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- HS được tham gia chương trình kết nối “Vòng tay yêu thương”.

- HS được tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo do nhà trường địa phương tổ chức.

- HS được nghe giới thiệu và hiểu được về truyền thống của dân tộc Việt Nam và của quê hương.

- Chia sẻ được về các lễ hội truyền thống ở địa phương mình.

- Nêu được những điều cần lưu ý khi tham gia lễ hội truyền thống Chia sẻ những lưu ý khi tham gia lễ hội truyền thống.

- Có ý thức giữ gìn, bảo tồn các lễ hội truyền thống ở địa phương. Tự hào về truyền thống địa phương.

**II. Đồ dùng dạy học: Máy tính, ti vi**,….

**III. Các hoạt động dạy học:**

**Phần 1: Nghi lễ (10 - 15 phút)**

*1. Lễ chào cờ theo nghi thức Đội.*

- Liên đội trưởng thực hiện.

*2. Tổng kết hoạt động của toàn trường trong tuần qua.*

- GV trực ban tuần 15 nhận xét ưu khuyết điểm toàn trường.

*3. Phát động, phổ biến kế hoạch hoạt động của toàn trường trong tuần mới.*

- Hiệu trưởng và TPT Đội triển khai.

**Phần 2: Sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề ( 20 - 25 phút): Chủ điểm tháng 12 “Uống nước nhớ nguồn”**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Phát động chương trình Kết nối “Vòng tay yêu thương”**  *a. Mục tiêu:*  - HS được lắng nghe phát động chương trình kết nối “Vòng tay yêu thương”.  *b. Cách tiến hành:*  - TPT Đội triển khai nội dung.  - Mời HS nhắc lại tên chương trình và một số nội dung HS cần thực hiện.  - TPT Đội kết luận, tuyên dương.  **2. Hoạt động 2: Tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo do nhà trường địa phương tổ chức**  *a. Mục tiêu:*  - HS hiểu được ý nghĩa của các hoạt động tình nguyện, nhân đạo.  - HS tích cực, nhiệt tình tham gia các hoạt động do các cấp tổ chức.  *b. Cách tiến hành:*  - TPT Đội giới thiệu nội dung.  - TPT Đội đưa ra câu hỏi:  *+ Có những hoạt động tình nguyện, nhân đạo nào của các tập thể, tổ chức, cá nhân ở địa phương mình?*  *+ Trong những việc đó, em có thể làm được việc nào?*  *+ Em có thể tự làm được việc đó hay cần ai hỗ trợ?*  **\* HĐ3: Trang phục truyền thống địa phương**  - Đại diện nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu buổi trình diễn trang phục truyền thống địa phương.    + GV chia sẻ về ý nghĩa bộ trang phục truyền thống địa phương: thể hiện nền văn hoá độc đáo, lâu đời và đậm đà bản sắc dân tộc của mỗi vùng miền.  **3. Luyện tập, thực hành**  + GV tổ chức cho một nhóm HS trình diễn trang phục truyền thống địa phương.  + GV cử một HS đọc thuyết minh giới thiệu về các bộ trang phục khi bạn trình diễn.  + GV khuyến khích HS ngồi dưới nhiệt tình cổ vũ các bạn trình diễn.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm nhận của bản thân về trang phục truyền thống địa phương  **3. Vận dụng**  - Tổng phụ trách đội kết luận nội dung.  - Gv cùng HS nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe    - HS xếp hàng trên sân trường  - HS chỉnh đốn hàng ngũ để chào cờ.  - Chào cờ, hát Quốc ca, Đội ca.  - HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS hưởng ứng  - HS lắng nghe,tiếp thu.  - HS thực hiện.  - HS đọc thuyết minh.  - HS chia sẻ. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có )**

..………………………………………………………………………………………

..…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….............................

|  |
| --- |
| ***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*** |

Tiết 2 : Toán

**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Luyện tập, củng cố các kĩ năng cơ bản: Nhận biết về tỉ số phần trăm; Giải bài toán liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của hai số và tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm; yêu môi trường.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, 2 bảng phụ ghi nội dung BT2 ; bảng nhóm HS ghi nội dung BT4.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động (3P)** | |
| - GV tổ chức HS theo nhóm 4 hoặc 6, yêu cầu HS sử dụng kĩ thuật “Ổ bi” thực hiện các việc sau:  + Việc 1: HS nói cho bạn cách tìm tỉ số phần trăm của hai số, lấy một ví dụ đơn giản (chỉ cần nói cách tính không cần tính kết quả cụ thể).  + Xoay “Ổ bi” tiếp tục thực hiện. | - HS tạo thành ổ bi với hai vòng, quay mặt vào nhau.  - HS thực hiện các công việc theo yêu cầu GV đã nêu. |
| *Việc 2:* HS nói cho bạn cách tìm giá trị phần trăm của một số cho trước, lấy một ví dụ đơn giản (chỉ cần nói cách tính không cần tính kết quả cụ thể).  + Xoay “Ổ bi” tiếp tục thực hiện.  - Mời 1 - 2HS nhận xét hoạt động | - HS nhận xét; cả lớp lắng nghe. |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động.  - Chuyển ý, giới thiệu bài | - HS nghe.  - HS nghe, viết tên bài vào vở. |
| **2. Hoạt động luyện tập – Thực hành (26P)**  **\* Mục tiêu:**  - Học sinh làm được bài tập 1; 2 và 3 để luyện tập, củng cố các kĩ năng cơ bản: Nhận biết về tỉ số phần trăm; Giải bài toán liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của hai số | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1.** |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1. | - HS **đọc** yêu cầu bài tập 1. |
| - Gv yêu cầu HS **xác định** việc cần làm. | - Ý **a)** **Ghép thẻ** ghi STP với thẻ ghi tỉ số phần trăm **có cùng giá trị**.  Ý **b) Viết** các **STP** đã cho **dưới dạng tỉ số phần trăm**.  Ý **c) Viết** các **tỉ số phần trăm dưới dạng STP** |
| - GV yêu cầu HS nhận dạng và nêu cách xử lí các ý.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân; 4 HS lần lượt làm bảng lớp bài 1b,c. | - Ý a) và b) thuộc dạng bài: Viết các STP dưới dạng tỉ số phần trăm. Muốn viết STP dưới dạng tỉ số phần trăm, ta lấy số đó nhân nhẩm với 100 rồi viết kí hiệu %  Ý c) thuộc dạng bài: Viết các tỉ số phần trăm dưới dạng số thập phân. Muốn viết tỉ số phần trăm dưới dạng STP ta lấy tỉ số phần trăm chia nhẩm với 100.  - HS bài cá nhân vào vở bài tập Toán trang 103; 4 HS lần lượt làm bảng lớp bài 1b,c. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn:  \* Bài 1a: Tổ chức trò chơi *Truyền điện* | - HS cả lớp tham gia trò chơi. |
| *+ Quản trò: Truyền điện truyền điện* | *+Cả lớp: Truyền ai truyền ai* |
| *+Quản trò: Truyền bạn …. Nêu thẻ (ví dụ: 1,05)* | *+Bạn…: 1,05 = 105%. (HS trả lời đúng được mời tiếp bạn khác và đố bạn; HS trả lời sai bị điện giật và nhường quyền đố cho quản trò.)* |
| +…*(Tiếp tục cho số thứ 2)* |  |
| - GV nhận xét  \* Bài 1b, 1c:  - GV mời HS nhận xét bài bảng lớp  - Yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo  - GV nhận xét, hỏi lại cách chuyển một STP thành tỉ số phần trăm và ngược lại.  - Chốt ý, chuyển mạch qua BT2. | - HS lắng nghe.  - HS nhận xét, cả lớp lắng nghe.  - Thực hiện.  - HS lắng nghe, nêu cách chuyển.  - Lắng nghe. |
| **Bài 2.** |  |
| - GV gọi HS đọc nội dung bài tập 2. | - HS đọc nội dung bài tập 2. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm.  - H: Bài toán thuộc dạng gì của bài toán tỉ số phần trăm.  - H: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào?  - Đó cũng chính là cách giải quyết bài tập 2. | - Tìm thương của phép chia và chuyển thành tỉ số phần trăm  - Bài toán thuộc Dạng 1: “Tìm tỉ số phần trăm của hai số”.  - Ta tìm thương rồi lấy thương đó nhân nhẩm với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích vừa tìm được.  - Lắng nghe |
| GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - HS làm bài cá nhân vào vở bài tập Toán trang 103. |
| - GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức để chia sẻ kết quả: *GV ghi sẵn bài tập 2 như SGK, chia lớp làm 2 đội, sau đó chọn mỗi đội 4 bạn để thi tiếp sức viết kết quả tỉ số phần trăm đúng* | - 8 HS chia làm 2 đội, mỗi thành viên sẽ luân phiên chạy lên ghi kết quả vào chỗ trống theo kiểu tiếp sức.  - Chơi xong các 2 đội chơi giữ nguyên đội hình. |
| - GV khuyến khíchHS nói tại sao lại ra kết quả tỉ số phần trăm như vậy bằng trò chơi “Bạn hỏi – Tôi trả lời”.  - GV nhận xét, chữa bài, chốt đáp án đúng, chuyển mạch sang BT3.  **Bài 3.**  - GV mời 1HS đọc đề BT3.  - Bài toán cho biết gì ?  - Bài toán hỏi gì ?  - H: Bài toán thuộc dạng gì của bài toán tỉ số phần trăm.  - Muốn tìm số học sinh là tình nguyện viên chiếm bao nhiêu phần trăm ta làm thế nào?  - Yêu cầu cả lớp làm vở, 1HS làm bảng lớp.  - Mời HS nhận xét bài trên bảng  - Chốt bài giải đúng, yêu cầu HS chữa bài.  - GV gọi HS nhận xét bài của bạn  - GV nhận xét và chốt | \*Học sinh dưới lớp hỏi:  +Tại sao bạn điền 3 : 8 = 37,5% ?  +HS trong đội chơi điền bài đó trả lời  - HS theo dõi, chữa bài.  - 1HS đọc đề BT3  - Cho biết: Khối Năm có 150 học sinh, trong đó có 30 em là tình nguyện viên.  - Hỏi: Số học sinh là tình nguyện viên chiếm bao nhiêu phần trăm?  **-** Bài toán thuộc Dạng 1**:** “Tìm tỉ số phần trăm của hai số”.  - Lấy 30 chia cho 100 rồi nhân nhẩm với 100.  - Cả lớp làm VBT trang 103, 1HS làm bảng lớp.  - HS nhận xét  - Chữa bài  *Bài giải*  *Tỉ số phần trăm số học sinh khối Năm là tình nguyện viên đội bảo vệ môi trường chiếm là:*  *30 : 150 = 0,2 = 20%*  *Đáp số: 20%* |
| **3. Hoạt động vận dụng (4P)**  **\*Mục tiêu:** Giúp HS Giải bài toán liên quan đến tìm giá trị phần trăm của một số cho trước; giáo dục HS biết yêu và bảo vệ rừng. | |
| **Bài 4.**  - GV mời 1HS đọc đề BT3.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, phân tích và suy nghĩ cách giải, trình bày kết quả thảo luận vào bảng nhóm; thời gian 3 phút  - Mời HS trình bày kết quả thảo luận, tổ chức hỏi đáp để tìm bài toán cho, bài toán hỏi, thuộc dạng nào, làm thế nào để giải.  - Chốt bài giải đúng, tuyên dương các nhóm có kết quả đúng.  \* GD BVMT  + Rừng nguyên sinh bị phá huỷ gây ra hậu quả gì?  + Chúng ta cần làm gì để bảo vệ rừng?  GV chốt: Tích cực trồng rừng và BV rừng.  **\* Củng cố, dặn dò** (2p)  - Mời HS nêu cách tìm tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.  - Nhận xét tiết học | - 1HS đọc đề BT4  - Lập nhóm, thực hiện yêu cầu.  - Cho biết: Có khoảng 14,5 triệu km2 rửng nhiệt đới nguyên sinh. Trong đó, 34% diện tích đã bị phá hủy.  - Hỏi: Tính diện tích rừng bị phá hủy.  **-** Bài toán thuộc Dạng 2**:** “Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước”.  *Bài giải*  Diện tích rừng bị phá hủy là:  14,5 x 34% = 4,93 (triệu km2)  Đáp số: 4,93 triệu km2.  - Lắng nghe.  - Trả lời.  - Trả lời  - Lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Tiết 3+4 : Chia sẻ và đọc

**32 PHÚT GIÀNH SỰ SỐNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì I.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài. Trả lời được các CH về nội dung của các đoạn văn và toàn bài. Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: ca ngợi các chiến sĩ cảnh sát phòng cháy, chữa cháy đã dũng cảm, nhanh trí, kịp thời, cẩn trọng giải thoát cho em nhỏ, đem lại niềm vui, niềm tin yêu cho nhân dân.

- Thể hiện được giọng đọc khúc chiết, rõ ràng, đồng thời biểu đạt được sự gay cấn của sự việc, sự hồi hộp của người theo dõi.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Bước đầu hiểu được nghệ thuật sắp xếp các tình tiết, sự việc khi tường thuật, hấp dẫn người đọc, người nghe của bài đọc.

**2. Năng lực chung**

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Chủ động trao đổi, thảo luận với bạn để tìm hiểu nghĩa các từ khó, từ ít dùng; trả lời các câu hỏi đọc hiểu trong bài.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Chủ động tìm hiểu các thông tin có trong bài đọc để trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, từ đó hiểu rõ về nội dung bài đọc.

**3. Phẩm chất**

*- Phẩm chất nhân ái:* Thể hiện được sự xúc động, thương cảm đối với em nhỏ; biết ơn các chiến sĩ cảnh sát phòng cháy chữa cháy đã cứu thoát em nhỏ trong câu chuyện.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Có ý thức phòng cháy chữa cháy trong gia đình và xã hội.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở ô li hoặc vở bài tập.

**III.** **Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - Đây là tiết học đầu tiên trong tuần, hoạt động khởi động được thực hiện trong phần chia sẻ về chủ điểm. Giáo viên có thể giới thiệu thêm về tình hình một số vụ cháy lớn xảy ra trong năm 2023: Theo Bộ Công an, năm 2023, tình hình cháy, nổ diễn biến phức tạp, khó lường. Từ 1/10/2022 đến 30/9/2023, toàn quốc xảy ra hơn 1.900 vụ cháy, làm chết 144 người, bị thương 113 người, trong đó, đã xảy ra 93 vụ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng. Phần lớn các vụ cháy xảy ra tại nhà ở riêng lẻ, nhà ở kết hợp kinh doanh. Bài đọc mở đầu chủ điểm *Vì cuộc sống yên bình* là *32 phút giành sự sốn*g - một câu chuyện kể về một vụ cháy khiến người đọc rất hồi hộp và xúc động. Chúng ta cùng tìm hiểu bài đọc có nội dung gì nhé! |  |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu:**  - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ được chú giải trong bài.  - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc | |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **- Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó và những từ ngữ khác, nếu thấy cần thiết đối với HS địa phương, ví dụ: *lập tức*, *lo lắng*, *câu nói*, *niềm vui*, *kẹt, nghẹt thở*…  - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn theo nhóm.  Bài đọc gồm 6 đoạn tương ứng mỗi lần xuống dòng: + Đoạn 1, đoạn 2: Giọng đọc rành mạch, cấp thiết, lời thông báo qua điện thoại nhanh và rõ ràng. + Đoạn 3, đoạn 4, đoạn 5: Giọng đọc khúc triết, rõ ràng, thể hiện sự hồi hộp. + Đoạn 6: giọng đọc thể hiện niềm tự hào đối với các chiến sĩ phòng cháy chữa cháy.  *-*GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm.  + GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 6 em đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy, giọng đọc khúc chiết, rõ ràng, đồng thời biểu đạt được sự gay cấn của sự việc, sự hồi hộp của người theo dõi.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc: *kẹt; luồn, nghẹt thở,…*  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **- Cách tiến hành**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Phỏng vấn.*  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:  + Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.  + Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai.  (1) *Vì sao các chiến sĩ phòng cháy, chữa cháy phải khẩn cấp lên đường?*   (2) *Em nhỏ bị nạn trong tình huống như thế nào?*  (3) *Các chiến sĩ đã hành động cẩn trọng và khẩn trương như thế nào để cứu em nhỏ?*  (4) *Điều gì trong cách tưởng thuật của tác giả khiến em hồi hộp?*  (5) *Bài đọc gợi cho em suy nghĩ gì về các chiến sĩ cảnh sát phòng cháy, chữa cháy ?*    - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung câu chuyện này là gì?*  - GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.   - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.  *- Chuyên dụng*: dùng riêng cho những việc, những mục đích nhất định.  - *Phương án*: dự kiến về cách thức, trình tự tiến hành công việc trong điều kiện, hoàn cảnh nào đó.  - *Cẩn trọng*: do coi trọng mà có ý thức cẩn thận với việc gì đó.  - *Phẩu thuật:*  mổ xẻ để chữa bệnh.  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.         - HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  (1) *Vì sao các chiến sĩ phòng cháy, chữa cháy phải khẩn cấp lên đường?*  (2) *Em nhỏ bị nạn trong tình huống như thế nào?*  (3) *Các chiến sĩ đã hành động cẩn trọng và khẩn trương như thế nào để cứu em nhỏ?*  (4) *Điều gì trong cách tưởng thuật của tác giả khiến em hồi hộp?*  (5) *Bài đọc gợi cho em suy nghĩ gì về các chiến sĩ cảnh sát phòng cháy, chữa cháy ?*    - Các chiến sĩ cảnh sát phòng cháy, chữa cháy phải khẩn cấp lên đường vì họ nhận được điện báo: Có cháu bé bị kẹt ở khe tường trong ngõ 581.   - Em nhỏ đã bị kẹt ở đó hơn một ngày, đã dầm ba trận mưa, lúc đó người nhà mới phát hiện ra.  - Toàn bộ hoạt động giải cứu rất khẩn trương (diễn ra chỉ trong 32 phút) nhưng rất cẩn trọng: Các chiến sĩ xem xét kĩ hai ngôi nhà rồi mới quyết định phương án đục tường; mỗi mảng vữa, gạch rơi ra đều đỡ gọn trong lòng bàn tay; lựa vị trí mũi khoan khéo léo để tránh làm tổn thương em nhỏ; luồn tay qua khe tường hẹp đỡ đầu, hông, tay chân em nhỏ, nhích ra từng chút một.  Sự việc được tác giả thuật lại theo trình tự thời gian như đếm từng phút (*17 giờ ngày 20-7 - 17 giờ 31 phút - 17 giờ 49 phút - 18 giờ 3 phút*) tạo cảm giác chờ đợi, hồi hộp; các sự việc được thuật lại ngắn gọn bằng các từ ngữ chỉ hành động của các chiến sĩ (*lập tức*, *hối hả*, *cẩn trọng*, *xốc*, *chạy ra xe cứu thương*), kết hợp miêu tả vẻ ngoài của các chiến sĩ (*ướt đẫm lưng áo*); miêu tả cảm xúc của những người theo dõi sự việc (*lo lắng*, *bồn chồn*, *khóc oà*,…)  HS nói theo suy nghĩ cá nhân: Các chú cảnh sát phòng cháy, chữa cháy là những người có tinh thần trách nhiệm cao, giàu lòng nhân ái. / Các chú đã hành động chuẩn xác và khéo léo, đã cứu sống em nhỏ, đem lại niềm vui, niềm tin yêu cho nhân dân. / Các chú rất dũng cảm. / Các chú là những người đem lại sự may mắn và bình yên cho nhân dân. / ...    - Bài đọc ca ngợi các chiến sĩ cảnh sát phòng cháy, chữa cháy đã dũng cảm, nhanh trí, kịp thời, cẩn trọng giải thoát cho em nhỏ, đem lại niềm vui, niềm tin yêu cho nhân dân. |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **Mục tiêu:**  - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp | |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc**  **- Cách tiến hành:**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 5, đoạn 6 với giọng khúc triết, rõ ràng, khẩn trương; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm đoạn 5, 6 đã luyện.  - GV nhận xét HS. | *Đúng* ***18 giờ 3 phút***, */* ***viên gạch cuối cùng rơi xuống****. // Một chiến sĩ* ***luồn tay*** *qua khe tường hẹp, /* ***đỡ lấy đầu*** *cháu bé. // Ba chiến sĩ khác đ****ỡ phần hông****, / tay và hai chân của cháu, /* ***nhích*** *từng chút một. // Cháu bé được cứu thoát trong* ***tiếng khóc oà của người thân****. // Một chiến sĩ* ***xốc cháu lên lưng****, /* ***chạy ra xe cứu thương****. // Người lính áo xanh / nghe thấy* ***câu nói đầu tiên*** *của cháu: // “Cháu khát! // Cháu đói!”. //*  *Sau* ***32 phút nghẹt thở***, */ các chiến sĩ đã* ***cứu*** *được bé trai*, */* ***trả lại cho bé nụ cười ấm áp***, */ đem* ***niềm vui***, */* ***niềm tin yêu*** *đến cho mọi người.* |
| **4. Hoạt động vận dụng** | |
| - GV nêu câu hỏi: *Em được điều gì sau khi học bài đọc này?*  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  **\* Củng cố, dặn dò**  + GV nhân xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *- Dặn dò:*GV nhắc HS về nhà tự đọc sách báo theo yêu cầu đã nêu trong SGK. HS có thể tìm các truyện đọc phù hợp với chủ điểm trong sách *Truyện đọc lớp 5.* | - HS trả lời theo ý hiểu. |

## **IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Chiều: Tiết 1: Khoa học

**BÀI 10: SỰ SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT ĐẺ TRỨNG**

**VÀ ĐỘNG VẬT ĐẺ CON (TIẾT 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù: *Năng lực khoa học tự nhiên***

\* *Nhận thức khoa học tự nhiên:* Nêu được tên một số động vật đẻ trứng, đẻ con và các hình thức sinh sản của chúng qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video; Nêu được các hình thức sinh sản của **động vật đẻ trứng** qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video.

\* *Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh:* Đề xuất được câu hỏi về sự sinh sản của động vật đẻ trứng.

\* *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Tìm hiểu thêm về các động vật đẻ trứng ở địa phương.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực *tự chủ và tự học*: quan sát hình ảnh, đọc thông tin ở SGK để tìm ra nội dung bài học; thực hiện nhiệm vụ tự tìm hiểu ở nhà về sự sinh sản của một số động vật đẻ trứng, đẻ con tại địa phương.

- Năng lực *giao tiếp và hợp tác*: mạnh dạn chia sẻ thông tin, nêu ý kiến trong nhóm; đề xuất được câu hỏi và câu trả lời về sự sinh sản của động vật đẻ trứng.

- Năng lực *giải quyết vấn đề và sáng tạo*: nêu được sự sinh sản của cá và gà; vận dụng để giải thích đúng những điểm giống và khác nhau về sự sinh sản của cá và gà; biết tìm hiểu thêm về các động vật đẻ trứng ở địa phương.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất *chăm chỉ*: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất *trách nhiệm*: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm và của bản thân.

- Phẩm chất *trung thực*: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Phẩm chất *yêu nước*: biết yêu quý các động vật có ích.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**- Giáo viên:** Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ; SGK, SGV Khoa học 5 (Tập 1) bộ sách Cánh Diều; tranh ảnh, video về sự sinh sản của 1 số động vật đẻ trứng và đẻ con khác.

**- Học sinh:** SGK Khoa học 5 (Tập 1) bộ sách Cánh Diều

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  **Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Giới thiệu bài mới. | |
| - GV cho HS hát và vận động theo bài hát Baby Shark.  - GV hỏi: Bài hát nói về con vật nào?  - GV hỏi: Đố các em, cá mập đẻ con hay đẻ trứng?  - GV dẫn dắt: Trong thế giới động vật, có loài đẻ trứng như cá mập mà các em vừa hát và có loài lại đẻ con. Để bắt đầu vào tiết học hôm nay, cô sẽ tổ chức cho các bạn trò chơi *Truyền điện*: kể tên một số động vật đẻ trứng hoặc đẻ con mà em biết.  + Luật chơi: 1 HS nói động vật đẻ trứng – 1 HS nói động vật đẻ con. (Gọi 1 HS xung phong truyền điện đầu tiên là HS1. HS1 nói động vật đẻ trứng, sau đó chỉ HS2. HS2 nói động vật đẻ con, sau đó chỉ HS3. HS3 nói động vật đẻ trứng, sau đó chỉ HS4. HS4 nói động vật đẻ con. Cứ tiếp tục như vậy cho đến khi trò chơi kết thúc.)  - GV giới thiệu bài: Qua trò chơi, cô nhận thấy các em vừa kể rất nhiều loài động vật đẻ trứng và đẻ con. Để biết các bạn trong lớp chúng ta có nói đúng hình thức sinh sản của các động vật vừa nêu hay không? Đồng thời, cô trò mình cùng nhau khám phá thêm một số loài động vật đẻ trứng, đẻ con khác và các hình thức sinh sản của chúng thì chúng ta cùng tìm hiểu tiết Khoa học hôm nay, qua bài: ***Bài 10: Sự sinh sản ở động vật đẻ trứng và động vật đẻ con (Tiết 1).*** | - HS hát và vận động theo bài hát Baby Shark.  - HS trả lời: Bài hát nói về con cá mập.  - HS trả lời: Cá mập đẻ trứng.  - HS chơi trò chơi *Truyền điện* theo hướng dẫn của GV:  + 1 HS xung phong truyền điện đầu tiên (ví dụ: Gà đẻ trứng). Sau đó, HS đó sẽ mời HS tiếp theo nêu (ví dụ: Mèo đẻ con).  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Mục tiêu:**  - *Hoạt động 1:* Nêu được tên một số động vật đẻ trứng, đẻ con.  - *Hoạt động 2:* Nêu được các hình thức sinh sản của động vật đẻ trứng qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video. | |
| **Hoạt động 1: *Tìm hiểu về sự sinh sản ở động vật***  - GV yêu cầu HS quan sát các hình 1a đến 1g/ trang 47 SGK, thảo luận theo cặp theo yêu cầu: + Nói tên các động vật trong hình 1  + Chỉ ra các động vật đẻ trứng và động vật đẻ con.  - GV gọi đại diện các cặp chia sẻ ý kiến.    - GV chốt ý kiến:  + Các động vật đẻ trứng: rùa, ếch, bướm  + Các động vật đẻ con: khỉ, voi, mèo  - GV có thể chiếu thêm một số video về các loài động vật và hỏi HS: loài vật nào đẻ trứng, loài vật nào đẻ con (mở rộng kiến thức cho HS).  - GV hỏi: Đa số động vật có các hình thức sinh sản nào?  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin ở con ong trang 47.  - GV hỏi: Cơ quan sinh dục của con đực và con cái tạo ra gì?  - GV hỏi: Cơ thể mới của động vật được hình thành như thế nào?  GV chốt bằng sơ đồ và giới thiệu thêm:  **Hoạt động 2: *Tìm hiểu về sự sinh sản ở động vật đẻ trứng***  - GV cho HS quan sát các hình 2, 3/trang 48 SGK, thảo luận theo nhóm 4 và thực hiện các yêu cầu:  + Chỉ và nói về sự sinh sản của động vật ở hình 2 và 3.  + Nêu những điểm giống nhau và khác nhau về sự sinh sản của cá và gà.      - GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến.  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin ở con ong đầu trang 49.  - GV hỏi: Thế nào là thụ tinh ngoài?    - GV hỏi: Thế nào là thụ tinh trong?  - GV chốt lại. | - HS lắng nghe, thảo luận theo cặp và trả lời:  + Các động vật: Hình 1a - khỉ, Hình 1b - rùa, Hình 1c - voi, Hình 1d - ếch, Hình 1e - mèo, Hình 1g - bướm.  + Các động vật đẻ trứng: rùa, ếch, bướm.  + Các động vật đẻ con: khỉ, voi, mèo.  - Đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến; Các cặp khác nhận xét và bổ sung  - HS lắng nghe  - HS xem video, trả lời.  - HS trả lời: Đa số động vật có hình thức sinh sản là đẻ trứng hoặc đẻ con.  - 1- 2 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Con đực có cơ quan sinh dục đực tạo ra tinh trùng. Con cái có cơ quan sinh dục cái tạo ra trứng.  - HS trả lời: Trứng kết hợp với tinh trùng trong quá trình thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi. Phôi phát triển thành cơ thể mới.  - HS quan sát, lắng nghe  - HS lắng nghe, thảo luận theo nhóm 4 và trả lời:  + Hình 2: Sự sinh sản ở cá: Đến mùa sinh sản, cá cái đẻ trứng ra ngoài môi trường nước, cá đực tiết tinh dịch có chứa tinh trùng lên trứng. Thụ tinh diễn ra bên ngoài cơ thể cá cái. Trứng kết hợp với tinh trùng tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi. Phôi phát triển thành cá bột, sau đó phát triển thành cá con.  + Hình 3: Sự sinh sản ở gà: Đến mùa sinh sản, gà trống có cơ quan sinh dục đực tạo ra tinh trùng, gà mái có cơ quan sinh dục cái tạo ra trứng. Thụ tinh diễn ra bên trong cơ thể gà mái. Quá trình thụ tinh trong diễn ra khi gà trống giao phối với gà mái để đưa tinh trùng vào thụ tinh với trứng trong cơ thể gà mái. Trứng kết hợp với tinh trùng trong quá trình thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi thai trong trứng. Gà mái đẻ trứng. Những trứng đã thụ tinh được gà mái ấp. Một thời gian sau, trứng tách vỏ và nở ra gà con.  + Điểm giống nhau về sự sinh sản của cá và gà là: cá và gà đều có hình thức sinh sản là đẻ trứng.  + Điểm khác nhau về sự sinh sản của cá và gà là: Ở cá, sự thụ tinh diễn ra bên ngoài cơ thể cá cái. Ở gà, sự thụ tinh diễn ra bên trong cơ thể gà mái.  - Đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến; Các nhóm khác nhận xét và bổ sung .  - 1-2 HS đọc. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Thụ tinh ngoài là sự thụ tinh diễn ra bên ngoài cơ thể con cái và thường thực hiện trong môi trường nước.  - HS trả lời: Thụ tinh trong là sự thụ tinh diễn ra bên trong cơ thể con cái. Quá trình thụ tinh trong diễn ra khi con đực giao phối với con cái để đưa tinh trùng vào thụ tinh với trứng trong cơ quan sinh dục của con cái.  - HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành**  **Mục tiêu:**  - *Hoạt động 3:* Luyện tập được các kiến thức đã học về sinh sản ở động vật đẻ trứng. | |
| **Hoạt động 3: *Luyện tập kiến thức về sinh sản ở động vật đẻ trứng***  - GV hỏi: Xem các động vật có ở hình 1/trang 47, nêu lại các động vật đẻ trứng.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, trả lời 2 yêu cầu:  + Trong các **động vật đẻ trứng** ở hình 1: *rùa, ếch, bướm* - động vật nào thụ tinh trong, động vật nào thụ tinh ngoài?  + Kể thêm một số **động vật đẻ trứng** ở địa phương mình và cho biết động vật đó thụ tinh trong hay thụ tinh ngoài.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ bằng trò chơi Phỏng vấn:  + Chọn 1 HS làm Phóng viên nhí địa phương để hỏi HS dưới lớp theo 2 yêu cầu trên.  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS quan sát và trả lời: Động vật đẻ trứng là rùa, ếch, bướm.  - HS thảo luận theo cặp, trả lời:  +Động vật thụ tinh trong là rùa, bướm.  \* Động vật thụ tinh ngoài là ếch.  + Một số động vật đẻ trứng ở địa phương mình: Vịt – thụ tinh trong; rắn – thụ tinh trong, chim bồ câu – thụ tinh trong; cóc – thụ tinh ngoài; tôm – thụ tinh ngoài; cua - thụ tinh ngoài…  - HS trả lời qua trò chơi Phỏng vấn.  + 1 HS đóng vai phóng viên nhí đến hỏi các bạn ở lớp. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  **Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức sau bài học.  - HS có ý thức ôn tập và thực hiện nhiệm vụ về nhà nhằm chuẩn bị cho tiết sau. | |
| - GV hỏi: + Tiết Khoa học hôm nay giúp em biết thêm được điều gì?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà tìm hiểu thêm một số động vật đẻ trứng, đẻ con ở địa phương và sự sinh sản của chúng để chuẩn bị cho tiết sau của *Bài 10: Sự sinh sản ở động vật đẻ trứng và động vật đẻ con (Tiết 2).* | - HS trả lời:  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Tiếng Việt ( tăng )

**LUYỆN VIẾT BÀI 15: THƯ CỦA CHA**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Giúp HS hiểu được nội dung bài : Thư của cha.

- Giúp HS viết đúng bài luyện viết.

- Rèn luyện cho HS kĩ năng viết đẹp, trình bày sạch sẽ bài luyện viết.

- Giáo dục HS biết giữ gìn sách vở sạch đẹp

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng phụ viết sẵn các mẫu chữ khi viết

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên  **1. Khởi động:**  **2. Hình thành kiến thức mới**  a. Giới thiệu bài  - GV giới thiệu trực tiếp  b. Hướng dẫn hs luyện viết  - yc hs đọc nội dung bài:  - Em hiểu bài này về nội dung gì?  - GV chốt:  - Bài được trình bày như thế nào?  - GV hướng dẫn viết một số chữ, từ khó viết: rầu rĩ, cắn rứt, thiêng liêng.  - Gv hướng cho hs viết bài theo kiểu chữ nghiêng.  - GV đi lại giúp đỡ hs yếu.  - Gv thu bài chấm, nhận xét  **3. Hoạt động vận dụng**  - GV nhận xét  - Yc hs viết lại những chữ, từ viết chưa đẹp | Hoạt động của học sinh  - HS nghe  - 1 HS đọc  - HS nêu nội dung bài.  - HS : thể văn xuôi  - HS viết và vở  - HS ghi nhớ |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Đạo đức

**MÔI TRƯỜNG SỐNG QUANH EM (TIẾT 1)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

-Nêu được các loại môi trường sống.

- Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.

- Góp phần hình thành năng lực điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

- Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường bao gồm việc sử dụng chất nổ để đánh cá hoặc khai thác đá.

- Nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống

**2. Năng lực chung:**

- Góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất:**

- Góp phần hình thành phẩm chất trách nhiệm.

- QCN: Quyền tự do bày tỏ ý kiến; Quyền và nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

**II.Đồ dùng dạy học:**

**1.Giáo viên**

– SGK, SGV, SBT Đạo đức 5 (Bộ sách Cánh Diều).

– Các video clip liên quan đến môi trường sống quanh em.

– Tranh, hình ảnh về môi trường sống quanh em.

– Máy chiếu đa năng, máy tính… (nếu có).

**2.Học sinh:**

– SGK, SBT Đạo đức 5 (Bộ sách Cánh Diều).

**III.Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Hoạt động khởi động:** | |
| – GV nêu tên trò chơi: Ai tinh mắt.  – GV hướng dẫn luật chơi:  + HS làm việc theo nhóm và ghi nhận các điểm không hợp lí trong bức tranh liên quan đến môi trường sống quanh em.  + Các nhóm thi đua phát biểu các điểm không hợp lí trong bức tranh liên quan đến môi trường sống quanh em.  – GV đặt câu hỏi cho học sinh sau khi hoàn thành trò chơi như: Tại sao chi tiết đó lại chưa hợp lí? Cần thay đổi như thế nào để chi tiết đó trở nên hợp lí?  – GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động  – GV dẫn nhập vào bài học: Mỗi loại sinh vật đều có một môi trường sống riêng. Con người cũng có môi trường sống riêng. Con người cần có trách nhiệm tìm hiểu về môi trường sống xung quanh và bảo vệ môi trường sống. | -HS nhắc lại tên trò chơi.  -HS tiến hành chơi theo luật chơi mà GV hướng dẫn: các điểm chưa hợp lí trong bức tranh như: nhím không sống dưới nước, ong không sống dưới nước, bạch tuộc, sứa không sống trên cạn,…  -HS trả lời câu hỏi của Gv theo suy nghĩ cá nhân.  -HS lắng nghe, tiếp thu  -HS lắng nghe. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới** | |
| **\*Hoạt động 1. Đọc các thông tin dưới đây và gọi tên các loại môi trường sống**  **\*Mục tiêu:** Nêu được các loại môi trường sống. | |
| -GV yêu cầu HS đọc các thông tin A, B, C. | -2-3 HS đọc các thông tin A,B,C trong SGK trang 32 |
| -GV đặt câu hỏi cho HS: A, B, C đang đề cập đến loại môi trường sống nào? | -HS trao đổi nhóm 2. |
| -GV mời HS phát biểu câu trả lời. | -HS tiếp nối phát biểu trước lớp: tên 3 loại môi trường: A: môi trường đất; B: môi trường nước; C: môi trường trên cạn – không khí.  -Cả lớp lắng nghe, nhận xét câu trả lời của nhóm bạn. |
| -GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp. | -HS lắng nghe và tiếp thu. |
| **\*Hoạt động 2: Đọc các thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi**  **\*Mục tiêu:** Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống. | |
| -GV yêu cầu HS đọc thông tin và thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  +Môi trường sống hiện nay đang gặp phải những vấn đề gì?  +Hãy kể thêm các vấn đề khác của môi trường sống mà em biết?  +Vì sao chúng ta cần bảo vệ môi trường sống? | - HS đọc thông tin và thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: |
| - GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận | -Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung |
| *\*Dự kiến kết quả làm việc:* |  |
| +Môi trường sống hiện nay đang gặp phải những vấn đề gì? | Những vấn đề mà môi trường sống hiện nay đang gặp phải qua 3 thông tin là:  +Thông tin 1: ô nhiễm nguồn nước. +Thông tin 2: ô nhiễm không khí. +Thông tin 3: ô nhiễm đất. |
| +Hãy kể thêm các vấn đề khác của môi trường sống mà em biết? | Các vấn đề khác của môi trường sống: ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm nhiệt, ô nhiễm ánh sáng,… |
| +Vì sao chúng ta cần bảo vệ môi trường sống? | Lí do để chúng ta cần bảo vệ môi trường sống: Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống của con người; môi trường có trong sạch thì không khí chúng ta thở mới trong lành, nguồn nước chúng ta sử dụng mới an toàn, đất đai chúng ta canh tác mới màu mỡ; khi môi trường bị ô nhiễm, con người sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề sức khỏe như các bệnh về đường hô hấp, tim mạch, ung thư,… |
| -GV nhận xét và đưa ra câu trả lời phù hợp. | -HS lắng nghe và tiếp thu. |
| **3. Hoạt động luyện tập thực hành**  **\*Mục tiêu:**  Xác định được các loại môi trường sống phù hợp với các loại sinh vật | |
| **1.Hãy chọn môi trường sống phù hợp với các loại sinh vật sau** |  |
| – GV hướng dẫn HS quan sát tranh 1, 2, 3 và lựa chọn môi trường sống phù hợp ở a, b, c. |  |
|  | - HS quan sát tranh 1, 2, 3 và lựa chọn môi trường sống phù hợp ở a, b, c. |
| – GV mời HS phát biểu | -HS trả lời: 1c, 2a, 3b |
| – GV nhận xét, đánh giá, tổng kết câu trả lời phù hợp nhất. | -HS lắng nghe |
| **3.Vận dụng:**  **\*Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học được vào cuộc sống. | |
| -Về nhà các em lập một bảng về môi trường sống xung quanh em và cho biết hiện trạng của môi trường đó theo gợi ý sau:   |  |  | | --- | --- | | Môi trường sống xung quanh em | Hiện trạng của môi trường đó | |  |  | |  |  |   🡪Có thể trình bày bằng hình ảnh tự chụp hoặc quay video clip.  + QCN: Các em hãy cho cô biết chúng ta có quyền tự do bày tỏ ý kiến của mình không?  + Mọi người cần phải làm gì nâng cao quyền và nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?  - GV chốt. | -HS lắng nghe để thực hiện ở nhà  -HS trả lời  -HS trả lời |
| **\*Củng cố- Dặn dò**  -Thực hiện những điều đã học được và có ý thức bảo vệ, giữ gìn môi trường sống. |  |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ ba ngày 24 tháng 12 năm 2024

Sáng: Tiết 1: Tiếng Việt

**BÀI VIẾT 1: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM,**

**CẢM XÚC (ÔN TẬP)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Nhớ được cấu tạo và cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc (câu chuyện).

- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc (hoặc câu chuyện) theo đề bài đã chọn. Đoạn văn không mắc lỗi về cấu tạo; ít lỗi về nội dung, chính tả, từ ngữ, ngữ pháp..

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Cảm nhận được những chi tiết hay và ý nghĩa của sự việc (hoặc câu chuyện, bài thơ); lựa chọn được từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: tự giải quyết nhiệm vụ học tập: viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc hoặc câu chuyện, bài thơ.

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS trình bày và thảo luận về đoạn văn đã viết.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm: HS chăm chỉ thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | |
| - GV cho HS nhắc lại kiểu đoạn văn vừa được học.  - GV giới thiệu bài: Trong những tiết học trước, các em đã học cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc (hoặc câu chuyện, bài thơ). Hôm nay cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em ôn tập viết đoạn văn kiểu này. | - HS nhắc lại: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc. |
| **2. Hoạt động ôn tập kiến thức**  **Mục tiêu:** - Giúp học sinh ôn lại cấu tạo, các bước lập dàn ý của đoạn văn giới thiệu thể hiện tình cảm, cảm xúc. | |
| **Hoạt động 1: Ôn tập về cấu tạo của đoạn văn**  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS ôn tập cấu tạo của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc:  + GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, nêu lại cấu tạo của đoạn văn miêu tả tình cảm, cảm xúc bằng sơ đồ tư duy vào bảng phụ.  + GV mời 2-3 nhóm trình bày, các HS khác theo dõi, nhận xét.  - GV yêu cầu HS nhắc lại các bước tìm ý, lập dàn ý  - GV mời 2 HS nhắc lại các bước tìm ý, lập dàn ý.  - Gv chốt lại các bước tìm ý, lập dàn ý:  + Giới thiệu chủ đề.  + Phát triển chủ đề.  + Củng cố, nâng cao chủ đề.  - GV yêu cầu HS đọc thầm lại cấu tạo và các bước tìm ý của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc. | + HS thảo luận, thực hành vẽ sơ đồ tư duy.  + 2-3 HS đại diện nhóm trình bày.    -  - Học sinh đọc lại cấu tạo của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc. |
| **3. Hoạt động thực hành luyện tập**  **Mục tiêu:**  - Học sinh trao đổi được với bạn những ý chính về đề văn mà mình lựa chọn dựa theo các gợi ý.  - HS viết được đoạn văn theo dàn ý trên. | |
| **Hoạt động 2: Viết đoạn văn**  **Cách tiến hành:**  - GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của Bài 1 và các câu hỏi gợi ý.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân chuẩn bị đề mình lựa chọn. HS thảo luận nhóm đôi nội dung mình đã chuẩn bị.  - GV hỏi 1 HS theo các câu hỏi gợi ý trong SGK (để làm mẫu):  + Ở câu mở đoạn, em sẽ giới thiệu chủ đề bằng cách nào?  + Em sẽ phát triển chủ đề cho phần thân đoạn bằng những ý nào?  + Để củng cố, nâng cao chủ đề, câu kết đoạn cần viết như thế nào?  - Giáo viên nhận xét, hướng dẫn HS cách chọn chi tiết để giới thiệu, phát triển nội dung đoạn văn. GV chốt lại các bước làm :  + Đọc thầm lại dàn ý đã lập, điều chỉnh dàn ý (nếu cần).  + Dựa vào dàn ý để viết đoạn văn. Chú ý viết câu đúng cấu tạo ngữ pháp, lựa chọn từ ngữ phù hợp, giàu hình ảnh,...  +Đọc lại bài viết : phát hiện và sửa lỗi (nếucó); sửa bài viết cho hay(thay thế từ ngữ, viết lại câu,...).  - GV yêu cầu HS viết đoạn văn theo các gợi ý mình đã chuẩn bị.  **Hoạt động 3: Bình chọn đoạn văn hay**  **-** GV chia lớp thành 5 nhóm: Các nhóm tổ chức đọc đoạn văn đã viết, mỗi nhóm bình chọn ra một đoạn văn hay nhất.  - GV trao phần thưởng (hoặc biểu dương, khen ngợi) những HS có bài viết được bình chọn.  - GV nêu nhận xét về tiết học và nhận xét về kĩ năng viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của lớp. | - 2 HS đọc đề bài và câu hỏi gợi ý.  - HS làm việc cá nhân, dựa vào câu hỏi gợi ý trong SGK để chuẩn bị cho bài giới thiệu của mình (HS viết các gợi ý vào vở nháp).  - HS làm việc nhóm, trao đổi theo gợi ý trong SGK. GV theo dõi, giúp đỡ HS, nhắc các em chọn chi tiết tiêu biểu để giới thiệu, ghi chép trong quá trình nghe; hướng dẫn các em cách trao đổi với bạn.  - Một số học sinh trình bày trước lớp  - Các HS còn lại nêu ý kiến, góp ý, hỏi thêm những chi tiết chưa rõ.  - HS lắng nghe  - HS viết đoạn văn.  - HS đọc đoạn văn của mình, HS khác lắng nghe, nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng** | |
| - Học sinh về nhà đọc lại đoạn văn cho người thân nghe. |  |

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Toán

**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó có vấn đề liên quan đến tìm tỉ số phan trăm của tiền lãi (lỗ).

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm; biết tiết kiệm trong cuộc sống.

**II. Đồ dùng dạy học:.**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; bảng nhóm cho BT7.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Bảng con.

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động (5P)** | |
| - Gv tổ chức trò chơi **Xe buýt** để khởi động tiết học. Cụ thể như sau: HS múa hát theo nền nhạc xe buýt di chuyển. Khi xe dừng sẽ đưa ra 1 câu hỏi, trả lời đúng sẽ đón được bạn lên xe buýt. Tiếp tục hành trình như vậy.  ***\*Lưu ý:*** Trong quá trình chơi, GV có thể dừng lại để hỏi cách làm để cứu HS bị dừng lại.  **Câu 1**: Viết số thập phân 0,09 dưới dạng tỉ số phần trăm.  **Câu 2**: Ghi chữ cái trước câu trả lời đúng:  Tỉ số phần trăm của 30 và 150 là:  A. 2% B. 5% C. 20% D. 50%  **Câu 3:** Điền tiếp vào chỗ trống: 20% của 50m2 là …  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào tiết học mới. | - HS cả lớp chơi bằng cách ghi đáp án đúng vào bảng con. Ai sai thì phải dừng lại. Ai đúng tiếp tục hành trình cùng xe buýt.  - Đáp án: 9%  - Đáp án: C  - Đáp án: 10 m2 |
| **2. Hoạt động luyện tập – Thực hành (20P)**  **\*Mục tiêu:**  - Học sinh giải được bài 5, 6, 7 để biết vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó có vấn đề liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của tiền lãi (lỗ), biết thực hành tiết kiệm. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 5**  - GV mời 1HS đọc đề BT5.  - Bài toán cho biết tiền vốn là bao nhiêu? Tiền thu được là bao nhiêu? So sánh tiền thu được và tiền vốn  - Bài toán hỏi gì?  - Thế nào là tiền lãi? Muốn tính tiền lãi ta làm thế nào?  - Yêu cầu cả lớp làm vở, 2HS lần lượt làm bảng lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV chốt bài giải đúng. Rút ra:  Gọi tiền vốn là giá gốc, tiền thu được là tiền bán.  Khi tiền bán cao hơn giá gốc thì ta có tiền lãi.  Tiền lãi = Tiền thu được (tiền bán hàng) – tiền vốn.  - Mời 1-2HS đọc lại kết luận  - Vậy khi số tiền thu được ít hơn tiền vốn thì ta gọi là gì ? Mời các em sang bài 6.  **Bài 6**  - GV mời 1HS đọc đề Bài 6.  - Bài toán cho biết tiền vốn là bao nhiêu? Tiền thu được là bao nhiêu? So sánh tiền thu được và tiền vốn?  - Bài toán hỏi gì?  - Thế nào là tiền lỗ ? Muốn tính tiền lỗ ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS làm vở rồi 2 bạn trao đổi kết quả với nhau.    - GV mời HS đọc bài giải của mình  - GV chốt bài giải đúng.  **Rút ra: Khi tiền bán thấp hơn giá gốc thì ta có tiền lỗ.**  **Tiền lỗ = Tiền vốn - Tiền thu được (tiền bán).**  - Mời 1-2HS đọc lại kết luận.  - Chuyển ý sang bài 7. | - 1HS đọc đề bài 5  - Cho biết: Tiền vốn: 2 000 000 đồng; tiền thu được 2 200 000 đồng. Tiền thu được cao hơn tiền vốn  - Hỏi: a) Tính tiền lãi ?  b) Tỉ số phần trăm của tiền lãi và tiền vốn?  - Tiền lãi là tiền thu được cao hơn tiền vốn. **Tiền lãi = Tiền thu được – Tiền vốn**  - Cả lớp làm VBT trang 104, 2HS làm bảng lớp.  Bài giải:  a) Số tiền người bán hàng đó đã lãi là:  2 200 000 – 2 000 000 = 200 000 (đồng)  b) Tỉ số phần trăm của tiền lãi so với tiền vốn là:  200 000 : 2 000 000 = 10%  Đáp số: a) 200 000 đồng; b) 10%.  - HS nhận xét bài làm của bạn; chữa bài.  - Lắng nghe.  -1HS đọc đề bài 6.  - Cho biết: Tiền vốn: 3 000 000 đồng; tiền thu được 2 850 000 đồng. Tiền thu được thấp hơn tiền vốn.  - Hỏi: a) Tính tiền lỗ?  b) Tỉ số phần trăm của tiền lỗ và tiền vốn ?  - Tiền lỗ là tiền thu được thấp hơn tiền vốn. **Tiền lỗ = Tiền vốn – Tiền thu được**  - HS làm VBT trang 104  *Bài giải*  *a) Số tiền lỗ là:*  *3 000 000 - 2 850 000 = 150 000 (đồng)*  *b) Tỉ số phần trăm của tiền lỗ so với tiền vốn là:*  *150 000 : 3 000 000 = 5%*  *Đáp số: Lỗ 150 000 đồng, bằng 5% tiền vốn*  - Lắng nghe, nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng**  **\* Mục tiêu:** Giúp HS biết phân tích số liệu trong bảng số liệu; vận dụng giải toán tìm tỉ số phần trăm của hai số trong thực tiễn. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 7**  - GV giới thiệu đây là bảng số liệu thống kê ghi chi tiêu trong tháng 8 của gia đình Cô Lan.  - H: Bảng số liệu có mấy cột? Nêu tên các cột?  - Mời 2HS đọc bảng số liệu theo cột.  - Bài toán yêu cầu em làm gì?  - Yêu cầu HS đọc thầm lại bảng số liệu, suy nghĩ làm thế nào để tính số tiền gia đình Cô Lan đã chi tiêu tất cả trong tháng 8 ?  - Để tính gia đình Cô Lan đã chi bao nhiêu phần trăm cho một nội dung chi ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi của Bài 7, viết kết quả thảo luận vào bảng nhóm. Thời gian thảo luận 5 phút.  - Mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - Chốt câu trả lời đúng, tuyên dương nhóm làm đúng.  \* Củng cố, dặn dò (2p)  - Qua bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì? | - Quan sát.  - 2 cột. Cột 1: Nội dung chi. Cột 2: Số tiền (đơn vị tính là đồng)  - 2HS đọc.  - Nêu yêu cầu bài toán.  - Đổi 600 nghìn = 0,6 triệu rồi tính tổng số tiền các nội dung chi trong tháng 8.  - Nội dung chi : tổng số tiền chi trong tháng 8.  - Lập nhóm, thảo luận.  a) Số tiền gia đình cô Lan đã chi tiêu trong tháng 8 là:  600 nghìn = 0,6 triệu  4,8 + 0,9 + 3 + 0,6 + 1,2+ 1,5= 12 (triệu đồng)  a) Trong tổng số tiền chi tiêu, tiền ăn chiếm tỉ số phần trăm là:  4,8: 12 = 40%  Tiền tiết kiệm chiếm tỉ số phần trăm là:  2: 12=10%  b) – Tiền điện, nước, Internet chiếm bao nhiêu phần trăm?  - Tiền học chiếm bao nhiêu phần trăm?  - Tiền xăng xe, đi lại chiếm bao nhiêu phần trăm?  - Các khoản chi khác chiếm bao nhiêu phần trăm?  - 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  - Lắng nghe.  - Trả lời theo hiểu biết  - Nắm vững công thức giải toán tỉ số phần trăm; yêu thích học Toán |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Thể dục

*( Đ/c Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Toán tăng

**ÔN TẬP: PHÉP CHIA SỐ THẬP PHÂN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về cách thực hiện các phép chia số thập phân.

- Rèn kỹ năng chia. Vận dụng làm tốt một số bài tập có liên quan đến số thập phân.

- Giáo dục cho HS tính cẩn thận, tự giác.

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về cách thực hiện các phép chia số thập phân.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**\* Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**GV:** bảng phụ BT2,4

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Tổ chức cho HS hỏi đáp về cách thực hiện các phép chia có liên quan đến số thập phân.  - Nhận xét, kết luận thực hiện cách thực hiệp các phép chia có liên quan đến số thập phân.  Chốt:  *+ Các loại phép chia STP:*  *- Chia một STP cho một STN.*  *- Chia một STP cho một STP.*  *+ Một số quy tắc chia nhẩm: Nhân, chia STP cho 10; 100; 1000, …*  **2. Thực hành – Luyện tập**  **Bài 1:** Đặt tính rồi tính  a) 413,25 : 125 b) 1649 : 4,5  c) 185 : 24 d) 87,5 : 1,75  => Củng cố, rèn kĩ năng chia thực hiện phép chia có liên quan đến số thập phân.  **Bài 2** (BP): Một ô tô cứ đi 100km thì tiêu thụ hết 12,5*l* xăng. Hỏi ô tô đó đi quãng đường dài 60km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?  => Củng cố, rèn kĩ năng giải bài toán về quan hệ tỉ lệ có liên quan đến phép chia số thập phân.  **Bài 3:** Điền số thích hợp  a) 0,672 : : 0,7 = 1,2  b) : 7,2 x 1,8 = 0,34  - GV chữa bài cho HS  => Củng cố cách giải bài tập tìm thành phần chưa biết của phép tính có liên quan đến phép tính với số thập phân.  **3. Vận dụng – Trải nghiệm**  **Bài 4** (BP): Cứ 3l nước giặt quần áo thì cân nặng 2,55kg. Mỗi bình nhựa rỗng cân nặng 0,3kg thì có thể chứa được 2l nước giặt quần áo. Hỏi 4 bình nhựa như thế, mỗi bình chứa 2l nước giặt quần áo, cân nặng tất cả bao nhiêu ki- lô- gam?  - GV giúp HS tóm tắt bài, từ đó hình thành các bước giải:  3*l*  : 2,55kg  1*l* : .......kg?  2*l* :........kg?  Bình rỗng: 0,3kg 1 bình: ....kg?  4 bình: ...kg?  => GV chốt 3 bước giải của bài toán hợp có liên quan đến phép chia STP.  - HS hỏi đáp về các phép chia với STP.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - 1 HSđiều khiển lớp thảo luận  - 2-3 HS nhắc lại  - HS đọc, nêu y/c  - 4 em lên bảng làm  - Cả lớp làm vào vở  - Nhận xét, nhắc lại cách làm  - HS đọc đề, xác định dạng toán.  - Lập kế hoạch giải  + Tìm 1 *l* xăng đi được bao nhiêu ki-lô-mét  + 60 km tiêu thụ số lít xăng là bn  - 1 em lên chữa bài, lớp làm vào vở.  - HS đọc bài, nêu y/c  - Nêu tên gọi thành phần, kết quả phép tính  - 2 em lên bảng làm  - Cả lớp làm vào vở.  - HS đọc bài toán, nêu cái đã cho, phải tìm  - Thảo luận nhóm, nêu cách làm  + Tìm khối lượng của một lít nước giặt.  + Tìm khối lượng mỗi bình nhựa chứa 2l nước giặt quần áo.  + Tìm khối lượng của 4 bình nhựa mỗi bình chứa 2 lít nước giặt quần áo.  - HS làm bài, chữa bài  - Kiểm tra kết quả của nhau  - 3 – 4 HS thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1+ 2: Mĩ thuật

*( Đ/c Hải soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Âm nhạc

*( Đ/c Hiền soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ tư ngày 25 tháng 12 năm 2024

Buổi sáng: Tiết 1: Nói và nghe

**TRAO ĐỔI: VÌ CUỘC SỐNG YÊN BÌNH**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nói mạch lạc, truyền cảm, thuyết phục về chủ đề Vì cuộc sống yên bình.

- Nghe và có ý kiến phản hồi phù hợp về bài nói của các bạn.

- Biết cách trình bày và điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, nhu cầu của người nghe.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL tự chủ và tự học: Chủ động tìm kiếm thêm các câu chuyện về các ô chú công an (cảnh sát).

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự tin; biết nhìn vào người nghe khi nói và biết điều chỉnh bài nói phù hợp với nhu cầu của người nghe.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề: Đưa ra được cách em đã làm nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân và cho người khác.

**3. Phẩm chất**

- Phát triển PC trách nhiệm: Có thức bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cho xã hội, cộng đồng.

**ANQP:** Kể một số việc làm của em và mọi người có cuộc sống yên bình.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu, quyển (hoặc văn bản) *Luật Trẻ em*.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở viết.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV giới thiệu bài học: Trong tiết Nói và nghe hôm nay, các em sẽ giới thiệu một câu chuyện mà các em đã tìm hiểu kể về các cô chú công an hoặc một việc mà em hay bạn em đã làm để bảo đảm an toàn cho bản thân hoặc những người xung quanh . Sau đó, chúng ta sẽ cùng trao đổi về câu chuyện mà các em đã giới thiệu.  - GV ghi tên bài học: Trao đổi: Vì cuộc sống yên bình. | - HS lắng nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập – Thực hành**  **Mục tiêu:** - Nói mạch lạc, truyền cảm, thuyết phục về chủ đề Vì cuộc sống yên bình.  - Nghe và có ý kiến phản hồi phù hợp về bài nói của các bạn. | |
| **Hoạt động 1: Giới thiệu câu chuyện**  - GV gọi một số HS đọc 2 đề.  - GV mời một số HS cho biết các em sẽ lựa chọn đề nào.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm 4 (cùng một đề) chia sẻ theo gợi ý:  + Nếu HS chọn đề 1: Em sẽ trao đổi về bài thơ (câu chuyện) nào? Vì sao?  + Nếu HS chọn đề 2: Em sẽ trao đổi về việc làm nào? Việc làm đó của ai? Vì sao em muốn trao đổi với các bạn và cô (thầy) về việc làm đó?  **Hoạt động 2: Trao đổi về nội dung câu chuyện đã chọn**  1. Trao đổi trong nhóm  - Yêu cầu từng thành viên trao đổi bài đọc của mình trong nhóm.  - GV nhận xét, khích lệ, động viên HS trao đổi, giúp đỡ học sinh nếu cần thiết.  - Nhận xét hoạt động nhóm của cả lớp.  2. Trao đổi trước lớp  - GV mời học sinh lên trao đổi. GV khuyến khích các nhóm có thể sắm vai cho câu chuyện của nhóm mình.  - Đối với đề 1, cố gắng sắp xếp để có các bài nói về nhiều thể loại văn bản (truyện, thơ, bài báo). Đối với đề 2, cố gắng để có bài nói cả về việc HS làm và việc HS chứng kiến.  - GV mời HS trong lớp đặt CH nếu có chi tiết các em chưa rõ và hướng dẫn các em trao đổi về ý nghĩa câu chuyện hoặc việc làm của nhóm bạn.  - GV chú ý hướng dẫn và kiểm tra việc HS ghi chép.  - Nhận xét, biểu dương cá nhân/nhóm lên trình bày. | - HS đọc 2 đề trong SGK.  - HS chia sẻ.  - HS trao đổi nhóm theo gợi ý của GV.  - HS trao đổi trong nhóm 4  - Lần lượt các thành viên trao đổi nhanh.  - Đại diện của các nhóm nói trước lớp. Các thành viên còn lại có thể hỗ trợ kể tiếp nối câu chuyện hoặc tham gia sắm vai. Chú ý đến các yếu tố ngữ điệu và sắc mặt, cử chỉ điệu bộ,… phù hợp với bài nói.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe và ghi chép tên câu chuyện, nội dung chính của câu chuyện. |
| **3. Hoạt động vận dụng** | |
| \* Vận dụng  - Tiết học có gì vui?  - Câu chuyện nào trong giờ học làm em thích nhất?  - Sau bài học này, em sẽ hành động như thế nào?  **ANQP:**Em hãykể một số việc làm của em và mọi người đã làm để có cuộc sống yên bình.  \* Củng cố, dặn dò  - GV nhắc nhở HS:  + Chia sẻ các bài đọc với người thân trong gia đình.  + Tìm hiểu thêm sách báo, thơ ca,…về chủ điểm.  + Chuẩn bị cho tiết học: Trao đổi tuần sau. | - HS trả lời cá nhân.  - HS chia sẻ  - …tích cực có những việc làm, hành động đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh...  ­-HS kể một số việc làm.  - HS ghi nhớ thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Bài đọc 4

**BÀI ĐỌC 2: CHÚ CÔNG AN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

*1.1. Năng lực ngôn ngữ*

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 95 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì I.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài thơ. Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ: ca ngợi các chiến sĩ công an (cảnh sát) khu vực hết lòng vì cuộc sống bình yên của nhân dân, vì an ninh, trật tự của xã hội.

*1.2. Năng lực văn học*

Cảm nhận vẻ đẹp của hình tượng chú công an khu vực trong bài thơ.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm).

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng PC nhân ái (biết quý trọng và biết tỏ lòng biết ơn với các chú công an).

\*GDQPAN: Ca ngợi các chiến sĩ công an chăm lo cuộc sống của người dân, bảo vệ sự an toàn, cuộc sống bình yên của mọi người; họ cống hiến hết mình cho đất nước, nhân dân.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; vở ô li hoặc vở bài tập.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:** | |
| - Giáo viên có thể cho học sinh nghe một bài hát về thầy chú công an để tạo không khí tích cực cho giờ học như: *Chú công an tí hon, Em muốn làm cảnh sát,…*  - Giới thiệu bài: Qua bài đọc 32 phút giành sự sống, các em đã hiểu về tinh thần trách nhiệm, lòng dũng cảm, sự nhanh trí, khéo léo của các chú cảnh sát phòng cháy chữa cháy và niềm vui, sự tin yêu mà các chú đem lại cho người dân. Bài thơ Chú công an mà các em học hôm nay lại khắc hoạ hình ảnh của một chú công an (cảnh sát) khu vực. Hình ảnh chú hiện lên trong bài thơ như thế nào? Qua bài thơ, tác giả muốn thể hiện tình cảm gì? Chúng ta cùng tìm hiểu nhé! | **-** HS hát theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Mục tiêu:** - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ ít thông dụng được chú giải trong bài.  - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc. | |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **- Cách tiến hành:**  - GV đọc mẫu bài thơ, giọng trầm lắng, thể hiện sự suy nghĩ và tình cảm yêu mến, thán phục, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó (tuần tra, phân minh, neo đơn, cảnh phục, quân hàm,..... - GV lưu ý HS về cách ngắt nghỉ ở một số câu thơ dễ ngắt sai do ảnh hưởng nhạc điệu của các câu trước và sau nó. VD:  (1)Những vì sao / lấp lánh bay.  (2)Các chú / thức cùng đom đóm // Qua đêm dài / tới bình minh.  (3)Chú / luôn thăm hỏi ân cần.  (4)Ai / cũng cảm ơn các chú // Giữ bình yên / cho mọi nhà.  - Tổ chức cho HS luyện đọc:  + Chia nhóm 4, lần lượt mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ trong nhóm. HS cuối cùng đọc 2 khổ thơ.  + HS lần lượt đọc nối tiếp các đoạn trong bài, giọng đọc phù hợp với nội dung bài thơ:  Giọng đọc chung toàn bài thơ là giọng trìu mến, cảm phục.  + Hai khổ thơ đầu nên đọc với giọng tha thiết, nhấn giọng vào các từ ngữ khắc hoạ hình ảnh chú công an đi tuần ban đêm đẹp, nên thơ và cảm động.  + Hai khổ thơ giữa đọc với giọng xúc động, kể lại những việc chú công an khu vực đã tận tuỵ làm cho người dân.  + Khổ thơ cuối đọc với giọng tự hào thể hiện niềm tin tưởng, sự khâm phục đối với các chú công an khu vực của tác giả.  + Cho học sinh luyện đọc một số từ khó.  + Cho một số nhóm đọc trước lớp.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **- Cách tiến hành**  - 4 HS nối tiếp nhau đọc 4 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo:  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Hỏi đáp trước lớp*  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:  + Mỗi nhóm 2 bạn sẽ lên trước lớp. Bạn thứ nhất hởi câu 1, bạn thứ hai trả lời. Sau đó bạn thứ hai hỏi câu 2, bạn thứ nhất trả lời. Lần lượt như thế đến hết. Sau đó cho họ sinh nhận xét và nhóm khác tiếp tục.  *(1) Hình ảnh các chú công an tuần tra ban đêm đẹp và cảm động như thế nào?*  *(2) Ở khổ thơ 3 và 4, những việc làm của chú công an thể hiện điều gì?*  *(3) Các hình ảnh so sánh trong khổ thơ cuối thể hiện tình cảm gì của người dân đối với các chú công an?*  *(4) Nêu tình cảm, cảm xúc của em về bài thơ.*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?*  - GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV bổ sung: Bài thơ ca ngợi lực lượng công an khu vực giản dị, khiêm nhường, tận tuỵ vì cuộc sống bình yên của nhân dân, vì an ninh, trật tự của xã hội.  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm. | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.   - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.  *- Tuần tra*: đi để quan sát tình hình nhằm giữ gìn an ninh, trật tự.  *- Phân minh:* rõ ràng, rành mạch.  *- Neo đơn*: (gia đình) rất ít người có khả năng lao động, không biết dựa vào ai.  *- Cảnh phục*: đồng phục của công an, cảnh sát.  *- Quân hàm*: phù hiệu thể hiện cấp bậc trong quân đội hoặc công an.  - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.       - HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  *(1) Hình ảnh các chú công an tuần tra ban đêm đẹp và cảm động như thế nào?*  *(2) Ở khổ thơ 3 và 4, những việc làm của chú công an thể hiện điều gì?*  *(3) Các hình ảnh so sánh trong khổ thơ cuối thể hiện tình cảm gì của người dân đối với các chú công an?*  *(4) Nêu tình cảm, cảm xúc của em về bài thơ.*  - Hình ảnh các chú công an đi tuần ban đêm rất đẹp, rất nên thơ (đường tuần tra dưới đêm trăng sáng vằng vặc, hoa cau toả hương dìu dịu, những vì sao sáng lấp lánh như đậu trên vai các chú) và rất cảm động (các chú đi tuần giữa lúc mọi nhà chìm vào giấc ngủ; các chú thức cùng đom đóm suốt đêm, cho tới tận bình minh).  - Chú nhắc nhở người dân khoá cửa, giữ gìn an ninh; hoà giải những hộ dân có tranh cãi; quan tâm những hộ dân nghèo khó, neo đơn; giáo dục những thanh niên ngỗ ngược. Những việc làm đó thể hiện sự tận tuỵ đối với công việc, sự quan tâm sâu sắc đến người dân và thái độ bao dung đối với người lầm lỗi.  - Hai hình ảnh so sánh với sắc màu tươi sáng Cảnh phục tươi như sắc nắng / Quân hàm đỏ thắm màu hoa ở khổ thơ cuối thể hiện vẻ đẹp của các chú công an trong mắt người dân và lòng biết ơn, sự cảm phục, ngưỡng mộ của người dân đối với các chú công an, những người đã hết lòng giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân.  - Bài thơ cho em hiểu nhiều hơn về các chú công an và thêm yêu quý các chú. / ...  - HS trả lời theo cảm nhận. |
| **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành**  **Mục tiêu:**  - HS đọc diễn cảm bài thơ; ngắt nghỉ hơi đúng; thể hiện giọng đọc phù hợp. | |
| **Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài thơ**  **- Cách tiến hành:**  - GV cho HS đọc diễn cảm toàn bài thơ hoặc lựa chọn đoạn để đọc diễn cảm và trả lời tại sao lựa chọn đoạn đó..  - Chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi đúng, nhấn giọng từ ngữ quan trọng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc như hướng dẫn ở phần đọc mẫu của giáo viên.  - GV nhận xét việc đọc của HS. | - HS thi đọc diễn cảm nối tiếp theo nhóm.  - Các học sinh khác nhận xét bạn đọc. |
| **4. Hoạt động vận dụng:** | |
| \* GDQPAN  - GV nêu câu hỏi: *Em biết được điều gì sau khi học bài thơ Chú công an?*  => GV chốt: Chúng ta cần biết ơn những người công an đang ngày đêm bảo vệ an ninh của Tổ quốc  - GV nhận xét, khích lệ HS.  *- Dặn dò:*GV nhắc HS về nhà tìm thêm các bài thơ, bài hát ca ngợi cô chú công an. | - 2- 3 HS trình bày trước lớp. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Toán

**SỬ DỤNG MÁY TÍNH CẦM TAY (TIẾT 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Làm quen với việc sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; tính tỉ số phần trăm của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước.

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, máy tính cầm tay loại có các phím bấm cơ bản.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Máy tính cầm tay

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động (4P)** | |
| - GV tổ chức trò chơi ***Phóng viên*** để khởi động. Cụ thể như sau: 1HS đóng vai phóng viên đến từ Tạp chí ***Toán Tuổi thơ*** muốn phỏng vấn các bạn lớp mình về một đồ vật.  - *Phóng viên*: *(đưa ra máy tính cầm tay)* Đố các bạn biết đây là đồ vật gì ?  - *Phóng viên*: Bạn có thể chia sẻ những tình huống trong cuộc sống có sử dụng máy tính cầm tay mà bạn đã được chứng kiến.  - *Phóng viên*: Theo bạn, máy tính cầm tay giúp ích gì cho cuộc sống của con người?  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào tiết học mới: Chiếc máy tính cầm tay sẽ có công dụng và cách sử dụng như thế nào, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay. Ghi tên bài trên bảng. | - Cả lớp tham gia trò chơi.  - Máy tính cầm tay/ Máy tính bỏ túi/ máy tính.  - 2-3HS chia sẻ  - Trả lời theo hiểu biết  - Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức (12P)**  **\* Mục tiêu:**  - HS biết cách sử dụng và chức năng của một số phím cơ bản trên máy tính cầm tay; sử dụng máy tính cầm tay để tính các phép tính đơn giản. | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp với nhiệm vụ học tập:  + Quan sát máy tính cầm tay của mình, kết hợp đọc thông tin ở SGK/105 để: **Chỉ và nói cho bạn nghe cách sử dụng và chức năng của một số phím trên máy tính mà em biết.**  **-** Mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Nhận xét, trình chiếu trên màn hình máy tính cầm tay, GV giới thiệu máy tính cầm tay là một công cụ tính toán được mọi người sử dụng rộng rãi trong cuộc sống và chốt lại một số thông tin cơ bản trên máy tính cầm tay như phần bài học SGK.  - Mời 1 HS lên chỉ màn hình và nhắc lại.  **2) Thực hiện các phép tính bằng máy tính cầm tay**  ON/CC  - GV yêu cầu HS ấn phím trên bàn phím và nêu: bấm phím dùng để bật cho máy làm việc.  - Nêu yêu cầu: Em hãy dùng máy tính cầm tay để tìm kết quả của phép tính 26,8 + 5,09  - H: Để thực hiện phép tính trên chúng ta cần bấm những phím nào trên máy tính?  - Yêu cầu HS thực hiện, GV đọc (hoặc mời 1 HS đọc) từng phím cho cả lớp ấn theo.  - Mời HS đọc kết quả xuất hiện trên màn hình.  - Khen ngợi những HS ra kết quả đúng, giúp đỡ HS còn chậm.  **- Kết luận:** Để thực hiện các phép tính với máy tính cầm tay, ta bấm các phím lần lượt như sau:  + Bấm số thứ nhất  + Bấm dấu phép tính (+, -, x, :)  + Bấm số thứ hai  + Bấm dấu =  Sau đó đọc kết quả xuất hiện trên màn hình . | - Làm việc theo cặp, thực hiện nhiệm vụ học tập.  - 2-3 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - Quan sát, theo dõi.  - 1HS thực hiện, cả lớp theo dõi.  - Thao tác trên máy tính của mình.  - Lắng nghe.  - Phát biểu ý kiến  - Thao tác trên máy tính của mình.  - 31.89 hay 31,89  - Vỗ tay khen ngợi, hỗ trợ giúp đỡ bạn chậm.  - Cả lớp theo dõi.  - 1-2HS nhắc lại kết luận. |
| **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành (18P)**  **\* Mục tiêu:**  - HS làm quen với việc sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; tính tỉ số phần trăm của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1**  - GV giới thiệu kí kiệu nghĩa là HS sử dụng máy tính cầm tay để tính hoặc kiểm tra lại kết quả tính.  - Mời HS nêu yêu cầu bài 1a, b.  - GV lưu ý:  + Để tính đúng kết quả các phép tính ở bài 1a chúng ta cần làm gì?  + Ở bài 1b yêu cầu dùng máy tính cầm tay để tìm thương của các phép chia. Mẫu cho em phép chia nào?  + GV mời 1HS dùng máy tính cầm tay thực hiện trước lớp phép chia 19 : 30 và nêu kết quả trên màn hình.  + GV hướng dẫn: phần thập phân của thương có nhiều chữ số thì chỉ lấy đến 4 chữ số. Như vậy ta sẽ có kết quả thương của phép chia 19:30 viết gọn là mấy?  + GV lưu ý chỉ lấy đến 4 chữ số ở phần thập phân của thương chứ không làm tròn.  - Tổ chức trò chơi “Giải cứu rừng xanh” để thực hiện yêu cầu bài 1. GV đặt vấn đề: Có một nhóm lâm tặc đang hoành hành phá hủy rừng xanh. Em hãy giúp các chú khỉ tiêu diệt bọn lâm tặc bằng cách trả lời đúng các câu hỏi sau. Mỗi câu trả lời đúng sẽ tiêu diệt được 1 tên lâm tặc.  - Triển khai trò chơi. GV nên mời HS nêu to cách ấn phím trên máy tính cầm tay để tìm kết quả phép tính.  - Tổng kết trò chơi, khen ngợi HS sử dụng máy tính để tính đúng.  - Chuyển ý: Như vậy các em đã biết sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các biểu thức chứa một phép tính. Vậy sử dụng máy tính để tính tỉ số phần trăm của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước như thế nào, chúng ta cùng qua bài 2.  **Bài 2**  **a) Bài 2a**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài 2a  - GV mời HS theo dõi màn hình TV và hướng dẫn: bảng gồm 3 cột, cột 1 là yêu cầu tính; cột 2 là Nút ấn, Cột 3 là Kết quả. Cột 1 gồm có mấy yêu cầu? Đó là những yêu cầu gì?  - Yêu cầu 1 và 2 thuộc dạng nào?  - Mời cả lớp dùng máy tính cầm tay thực hiện yêu cầu 1 và 2; 2HS thực hiện trước lớp và nêu cách ấn phím.  - Nhận xét. Chốt kết quả đúng.  - Mời 1HS đọc yêu cầu 3 và 4? Những yêu cầu đó thuộc dạng nào?  - Mời cả lớp dùng máy tính cầm tay thực hiện yêu cầu 1 và 2; 2HS thực hiện trước lớp và nêu cách ấn phím.  - Nhận xét  - Yêu cầu HS nêu điểm khác biệt khi sử dụng máy tính trong 2 trường hợp trên.  - GV nhận xét, chốt ra cách sử dụng máy tính cho 2 dạng toán liên quan đến tỉ số phần trăm. Mời HS nhắc lại.  **b) Bài 2b,c,d**  - GV yêu cầu HS vận dụng cách ấn phím đã tìm hiểu ở bài 2a để thực hành làm bài 2b,c,d theo cặp; làm vào VBT trang 107  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả.  - Yêu cầu HS thử kiêm tra xem máy tinh của mình có thể tự nhận ra thứ tự thực hiện các phép tính trong hai biểu thức ở bài 2d không.  - GV lưu ý HS cần giúp máy tính hiểu thứ tự thực hiện phép tính đúng. Vì vậy, nếu như máy không tự nhận được đúng quy tắc tính giá trị biêu thức thì cần có cách ấn phím thích hợp để máy tính đúng giá trị biểu thức.  \*Củng cố, dặn dò (2p)  - Mời HS nhắc lại cách sử dụng máy tính để thực hiện tính các phép tính; để tìm tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS về nhà thực hành sử dụng máy tính cầm tay để tính các tình huống trong thực tiễn. | - Lắng nghe  - 2HS lần lượt nêu yêu cầu bài 1a, 1b.  - Cần thực hiện ấn các phím đúng thứ tự như bài yêu cầu  + 19 : 30  + 1HS thực hiện,nêu kết quả: 0,633333…  + 0,6333  - Lắng nghe luật chơi, cách chơi.  - Tham gia trò chơi   a)   |  |  | | --- | --- | | ***Phép tính*** | ***Kết quả*** | | *1 987 + 8 065* | *10 052* | | *63 241 – 6 968* | *56 273* | | *569 x 34* | *19 346* | | *49 503 : 87* | *569* |   *b)*  *26 : 30 = 0,8666666… = 0,8666*  *538 : 74 = 7,270270270… = 0,2702*  *338 : 60 = 5,633333… = 5,6333*  - Dùng máy tính cầm tay, tính bằng cách thực hiện ấn các phím theo thứ tự như bảng sau rồi nêu kết quả  - Theo dõi, trả lời.  - Tìm tỉ số phần trăm của hai số.  - Thực hiện. Nêu cách ấn phím và kết quả. HS khác nhận xét bạn.   |  |  | | --- | --- | |  | ***Kết quả*** | | *Tỉ số phần trăm của 8 và 20* | *40%* | | *Tỉ số phần trăm của 23 và 92* | *25%* |   - Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.  - Thực hiện. Nêu cách ấn phím và kết quả. HS khác nhận xét bạn.   |  |  | | --- | --- | | *34% của 71* | *24,14* | | *28% của 42* | *11,76* |   + Để tính tỉ số phần trăm của hai số a và b: chỉ cần **ấn a : b, ấn kí hiệu %, ấn phím = là có kêt quả.**  + Để tính giá trị phần trăm của một số cho trước(a% của b): chỉ **cần ấn b x a, ấn kí hiệu %, ấn phím = là có kết quả.**  - Lắng nghe, nhắc lại cách ấn phím.  - Trao đổi, thực hành theo cặp; viết kết quả vào VBT trang 107  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả lần lượt từng phép tính của từng bài: nêu cách ấn phím và kết quả. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, góp ý nhận xét.  *b) Tỉ số phần trăm của 7 và 9 là:*  *7 : 9% = 77,777777… = 77,77%*  *Tỉ số phần trăm của 368 và 12 là:*  *368 : 12% = 30,66666… = 30,66%*  *Tỉ số phần trăm của 126 và 314 là:*  *126 : 314% = 40,1273… = 40,12%*  *c) 25% của 165 là:*  *165 x 25% = 41,25*  *115% của 80 là:*  *80 x 115% = 92*  *d) 35 – 4 x 5 = 15*  *125 – 25 : 5 = 120*  - Kiểm tra, nêu kết quả.  - Lắng nghe.  - 3HS lần lượt nhắc lại. Cả lớp lắng nghe, bổ sung.  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Khoa học 2

**BÀI 10: SỰ SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT ĐẺ TRỨNG**

**VÀ ĐỘNG VẬT ĐẺ CON (TIẾT 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù: *Năng lực khoa học tự nhiên***

\* *Nhận thức khoa học tự nhiên:* Nêu được các hình thức sinh sản của **động vật đẻ con** qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video. Nêu được tên một số động vật đẻ trứng, đẻ con và các hình thức sinh sản của chúng qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video; Luyện tập kiến thức về sự sinh sản của động vật.

\* *Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh:* Đề xuất được câu hỏi về sự sinh sản của động vật đẻ trứng, đẻ con.

\* *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Tìm hiểu thêm về các động vật đẻ con thường đẻ mỗi lứa 1 con và đẻ mỗi lứa nhiều con ở địa phương; Tìm hiểu thêm về các động vật đẻ trứng và đẻ con ở địa phương.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực *tự chủ và tự học*: quan sát hình ảnh, đọc thông tin ở SGK để tìm ra nội dung bài học; thực hiện nhiệm vụ tự tìm hiểu ở nhà về sự sinh sản của một số động vật đẻ trứng, đẻ con tại địa phương.

- Năng lực *giao tiếp và hợp tác*: mạnh dạn chia sẻ thông tin, nêu ý kiến trong nhóm; đề xuất được câu hỏi và câu trả lời về sự sinh sản của động vật đẻ trứng, đẻ con

- Năng lực *giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết tìm hiểu thêm về các động vật đẻ con ở địa phương; đặt được các câu hỏi về sự sinh sản của động vật và tìm thông tin để giải thích.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất *chăm chỉ*: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất *trách nhiệm*: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm và của bản thân.

- Phẩm chất *trung thực*: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Phẩm chất *yêu nước*: biết yêu quý các động vật có ích.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**- Giáo viên:** Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ; SGK, SGV Khoa học 5 (Tập 1) bộ sách Cánh Diều; tranh ảnh, video về sự sinh sản của 1 số động vật đẻ trứng và đẻ con khác.

**- Học sinh:** SGK Khoa học 5 (Tập 1) bộ sách Cánh Diều

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:**  **Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Giới thiệu bài mới. | |
| - GV tổ chức cho chơi trò chơi *Lật mảnh ghép*  +MG1: *- Điểm giống nhau giữa sinh sản ở cá và gà là gì?*  +MG2: *- Ở động vật đẻ trứng, sự thụ tinh có thể diễn ra ở đâu?*    +MG3: - *Nêu sự sinh sản của gà theo hình sau.*    \*Luật chơi: HS chọn 1 mảnh ghép và tiến hành trả lời câu hỏi của mảnh ghép đó. HS trả lời đúng, mảnh ghép sẽ lật ra để lộ 1 phần của hình ảnh cần khám phá. HS trả lời đúng hết các câu hỏi, lật đúng hết các mảnh ghép thì toàn bộ hình ảnh cần khám phá sẽ xuất hiện (hình ảnh của 1 con thỏ).  - Sau khi hình ảnh con thỏ xuất hiện, GV sẽ hỏi: *Đây là con vật gì? Nêu hình thức sinh sản của nó.*  - GV giới thiệu bài: Qua trò chơi, cô nhận thấy, các em đã có hiểu biết rất tốt về các động vật đẻ trứng và hình thức sinh sản của chúng. Đồng thời, với hình ảnh con thỏ đáng yêu mà các em vừa lật ra, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau khám phá một số loài động vật đẻ con như con thỏ này và các hình thức sinh sản của chúng qua tiết Khoa học hôm nay: ***Bài 10: Sự sinh sản ở động vật đẻ trứng và động vật đẻ con (Tiết 2).*** | - HS chơi trò chơi *Lật mảnh ghép* và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.  - HS trả lời: *Cá và gà là những động vật đẻ trứng.*  - HS trả lời: *Ở động vật đẻ trứng, sự thụ tinh có thể diễn ra ở ngoài cơ thể con cái (thụ tinh ngoài) hoặc diễn ra ở trong cơ thể con cái (thụ tinh trong).*  - HS trả lời: *Sự sinh sản ở gà: Đến mùa sinh sản, gà trống có cơ quan sinh dục đực tạo ra tinh trùng, gà mái có cơ quan sinh dục cái tạo ra trứng. Sự thụ tinh diễn ra bên trong cơ thể gà mái. Quá trình thụ tinh trong diễn ra khi gà trống giao phối với gà mái để đưa tinh trùng vào thụ tinh với trứng trong cơ thể gà mái. Trứng kết hợp với tinh trùng trong quá trình thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi thai trong trứng. Gà mái đẻ trứng. Những trứng đã thụ tinh được gà mái ấp. Một thời gian sau, trứng tách vỏ và nở ra gà con.*  - HS quan sát và trả lời: Đó là con thỏ. Con thỏ là động vật đẻ con.  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động khám phá kiến thức**  **Mục tiêu:**  - *Hoạt động 4:* Nêu được hình thức sinh sản của động vật đẻ con qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video. | |
| **Hoạt động 4: *Tìm hiểu về sự sinh sản ở động vật đẻ con***  - GV hỏi: Theo em, thỏ là động vật thụ tinh trong hay thụ tinh ngoài?  - GV chốt: Thỏ là động vật đẻ con thụ tinh trong.  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin ở con ong giữa trang 49.  - GV chốt lại: Các động vật đẻ con đều thụ tinh trong. Trứng kết hợp với tinh trùng trong quá trình thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi. Phôi phát triển thành cơ thể mới và được nuôi dưỡng trong cơ thể mẹ **(quá trình mang thai).** Con non được sinh ra và được nuôi bằng sữa mẹ.  - GV hướng dẫn HS quan sát hình 4/trang 49 SGK, thảo luận nhóm 4, trình bày sự sinh sản ở thỏ.  - GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến.  - GV chốt lại: Đến mùa sinh sản, thỏ đực giao phối với thỏ cái để đưa tinh trùng vào thụ tinh với tế bào trứng trong cơ quan sinh dục của thỏ cái. Tế bào trứng kết hợp với tinh trùng trong quá trình thụ tinh tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi thai và được nuôi dưỡng trong bụng của thỏ mẹ. Sau một thời gian, phôi thai phát triển hoàn chỉnh rồi được thỏ mẹ sinh ra thành thỏ con.  - GV tiếp tục yêu cầu HS thảo luận theo cặp các yêu cầu sau:  + Nhận xét về hình dạng của thỏ con mới sinh ra so với hình dạng của thỏ bố, thỏ mẹ.  + Thỏ con mới sinh ra được thỏ mẹ nuôi bằng gì?  - GV gọi đại diện các cặp chia sẻ ý kiến.    - GV chốt: + Thỏ con có hình dạng giống thỏ bố và mẹ.  + Thỏ con mới sinh được nuôi bằng sữa mẹ.  - GV có thể chiếu video về sự sinh sản của một động vật đẻ con và yêu cầu HS mô tả các giai đoạn sinh sản.  - Gọi HS đọc mục Em có biết ở SGK/trang 50 về hình thức sinh sản của loài cá heo. | - HS trả lời: Thỏ là động vật thụ tinh trong.  - HS lắng nghe.  - 1-2 HS đọc to. Cả lớp đọc thầm.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, thảo luận theo nhóm 4 và trả lời: Thỏ cái tạo tế bào trứng, thỏ đực tạo tinh trùng. Tinh trùng thụ tinh cho trứng tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi thai trong bụng mẹ. Phôi thai phát triển hoàn chỉnh được sinh ra thành thỏ con.  - Đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến; Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận theo cặp, trả lời:  + Thỏ con có hình dạng giống thỏ bố và mẹ.  + Thỏ con mới sinh ra được thỏ mẹ nuôi bằng sữa.  - Đại diện các cặp chia sẻ ý kiến; Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát và nêu ý kiến.  - HS đọc; Cả lớp đọc thầm |
| **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành**  **Mục tiêu:**  - *Hoạt động 5:* + Đặt được câu hỏi về sự sinh sản của động vật.  + Luyện tập kiến thức về sự sinh sản của động vật. | |
| **Hoạt động 5: *Luyện tập kiến thức về sinh sản ở động vật.***  - GV chiếu lại hình 4 và hỏi: Thỏ thường đẻ mỗi lứa mấy con?  - GV tổ chức cho HS quan sát các hình 5, 6/trang 50 SGK, thảo luận nhóm 4, thực hiện các yêu cầu:  + Đặt câu hỏi về sự sinh sản của các động vật trong hình 5 và 6.  + Kể tên một số động vật đẻ con thường đẻ mỗi lứa một con và một số động vật đẻ con thường đẻ mỗi lứa nhiều con.  + Kể thêm một số động vật đẻ con ở địa phương.      - GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến.    - GV chốt lại  - GV gọi HS đọc Những kiến thức chủ yếu của cả bài học trang 50/SGK. | - HS trả lời: Thỏ thường đẻ mỗi lứa nhiều con.  - HS quan sát hình 5, hình 6 ở SGK/trang 50, thảo luận nhóm 4, trả lời  + \*Hình 5: Sư tử đẻ trứng hay đẻ con? Sư tử thụ tinh trong hay thụ tinh ngoài? Sư tử mẹ đẻ mỗi lứa mấy con? Sư tử con có hình dạng như thế nào so với hình dạng của sư tử bố, sư tử mẹ? Sư tử con mới sinh ra được sư tử mẹ nuôi bằng gì? …  \*Hình 6: Vịt đẻ trứng hay đẻ con? Vịt thụ tinh trong hay thụ tinh ngoài? Trứng vịt sau khi đẻ ra ngoài thì vịt mẹ phải làm gì để trứng nở thành vịt con? …  + Động vật thường đẻ mỗi lứa một con như: trâu, bò, voi, ngựa, hươu cao cổ, nai, khỉ, vượn, ... Động vật thường đẻ mỗi lứa nhiều con như: mèo, chó, lợn, gấu trúc, hổ, báo, chuột, ...  + Một số động vật đẻ con ở địa phương là: chó, mèo, lợn, chuột, thỏ, trâu, bò, …  - Đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến; Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.  - HS lắng nghe.  - 2-3 HS đọc nối tiếp. Cả lớp đọc thầm. |
| **4. Hoạt động vận dụng**  **Mục tiêu:**  - HS tham gia trò chơi để củng cố kiến thức sau bài học.  - HS có ý thức ôn tập và thực hiện nhiệm vụ được giao về nhà nhằm chuẩn bị cho tiết sau. | |
| - GV tổ chức cho HS chơi Trò chơi *Tiếp sức*: ***Ghép đúng các từ, cụm từ phù hợp với sự sinh sản của các con vật.***  \* Cách chơi: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 5 em, xếp thành một hàng dọc cách bảng 3m. GV chia đôi bảng, mỗi bên bảng dán sẵn 4 thẻ từ có hình ảnh: *con ếch, con voi, con lợn, con vịt* . Chuẩn bị cho HS mỗi đội 10 thẻ từ ghi: *đẻ con, đẻ con, đẻ trứng, đẻ trứng, thụ tinh trong, thụ tinh trong, thụ tinh trong, thụ tinh ngoài, đẻ mỗi lứa nhiều con, đẻ mỗi lứa một con*  để ngửa trên bàn.  Lần lượt từng thành viên mỗi đội lên chọn các thẻ từ phù hợp với “**Con vật**” thì lên bảng dán ở phần bảng đội của mình. Nếu không chọn được thì di chuyển về cuối hàng để bạn tiếp theo thực hiện. Nhóm nào hoàn thành hết thẻ từ trước, đúng nhiều hơn thì là đội thắng cuộc.  - GV hỏi: + Tiết Khoa học hôm nay giúp em biết thêm được điều gì?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà quan sát 1 động vật ở địa phương, biết hình thức sinh sản và kể tên các giai đoạn phát triển của động vật đó để chuẩn bị bài sau: *Bài 11: Vòng đời của động vật đẻ trứng và động vật đẻ con (Tiết 1).* | - HS chơi trò chơi *Tiếp sức* theo yêu cầu của GV.  + Con ếch: *đẻ trứng - thụ tinh ngoài*  + Con voi: *đẻ con - thụ tinh trong - đẻ mỗi lứa một con*  + Con lợn: *đẻ con - thụ tinh trong - đẻ mỗi lứa nhiều con*  + Con vịt: *đẻ trứng - thụ tinh trong*  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

## **IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1+2: Tiếng Anh

*( Đ/c Vân soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Hoạt động trải nghiệm 2

**SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS thể hiện hiểu biết của bản thân về các lễ hội truyền thống của địa phương

- HS cảm nhận được niềm tự hào trân trọng các giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc.

**2. Năng lực chung**

- Góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học,giao tiếp và hợp tác,giải quyết vấn đề sáng tạo,điều chỉnh hành vi,phát triển bản thân.

**3. Phẩm chất**

- Góp phần hình thành phẩm chất trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát huy truyền thống lễ hội

- Chăm chỉ trong các hoạt động góp bảo vệ truyền thống quê hương.

\* Tích hợp GDĐP : CĐ3: Quần thể di tích An Phụ, Kính Chủ, Nhẫm Dương (TXKinh Môn); CĐ 4: Lễ hội đền Quát Quyền và nghĩa vụ tham gia các hoạt động văn hóa do địa phương tổ chức. Quyền tự do kết giao, hội hợp tụ tập một cách hòa bình.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1.  Đối với giáo viên**

- Các video clip,tranh ảnh về lễ hội truyền thống.

- Máy tính,ti vi... (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- Sách HS HĐTN 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:**  - Cho HS vận động theo lời bài hát “Xúc xắc xúc xẻ”  - Cho HS nêu cảm nhận của mình qua giai điệu của bài hát.  - Hãy nêu các lễ hội mà em biết? Quê hương em có thường tổ chức lễ hội nào vào dịp Tết Nguyên Đán?  - GV thực hiện nhận xét và đánh giá khích lệ HS  - GV giới thiệu bài ngày hôm nay : Đất nước ta là một đất nước có nền văn hiến lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm người dân chúng ta vẫn lưu giữ và duy trì bảo tồn các lễ hội truyền thống. Mỗi địa phương có những lễ hội truyền thống khác nhau tùy theo địa phương đó. Vậy chúng ta cùng đi tìm hiểu nội dung các lễ hội truyền thống đó nhé…. | - Cả lớp thực hiện vận động và hát tại chỗ  - 1 số HS nêu:  - HS trả lời các câu hỏi  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu truyền thống địa phương**  **a. Mục tiêu**: HS kể tên được những lễ hội truyền thống ở các địa phương mà mình biết  - HS chia sẻ được lễ hội truyền thống tại quê hương mình.  **b. Cách tiến hành:** | |
| - GV thực hiện chia lớp thành các nhóm: Mỗi nhóm 4 bạn, phát bảng phụ cho HS thực hiện thảo luận nhóm. HS thảo luận nhóm trong vòng 3 phút  - GV thực hiện giao nhiệm vụ cho các nhóm: Kể tên các lễ hội truyền thống ở địa phương em mà em biết?  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo gợi ý:  + Cách 1: Cùng chơi “ Tiếp sức”  Các thành viên trong nhóm lần lượt viết lên khu vực bảng của nhóm mình tên những lễ hội truyền thống ở các địa phương theo hình thức tiếp sức . Trong thời gian quy định đội nào viết được đúng tên lễ hội truyền thống nhiều nhất và chính xác nhất sẽ là đội dành chiến thắng.  + Cách 2 : Cùng chơi “ Thi kể nhanh”  Các nhóm chơi theo thứ tụ lần lượt kể nhanh về nhưng lê hội truyền thống ở địa phương em. Đội sau không được kể trùng tên với đội trước. Đội nào trùng tên đội đó sẽ dừng cuộc chơi. Đội ở lại sau cùng sẽ là đội dành chiến thắng.  - GV cho HS tham gia trò chơi  - GV cho HS quan sát video và tranh ảnh về các lễ hội nơi địa phương em sinh sống.  - GV đặt câu hỏi cho HS sau khi HS thực hiện xem xong  + Em thấy có những lễ hội truyền thống nào được xuất hiện trong video trên.  +Em từng tham gia những lễ hội đó chưa? Đó là lễ hội nào? Hãy nêu cảm nghĩ và chia sẻ trải nghiệm của mình khi được tham gia lễ hội đó?  - Gv gợi ý HS chia sẻ theo một số ý chính sau:  + Tên lễ hội truyền thống  + Nguồn gốc lễ hội  + Thời gian và địa điểm tổ chức lễ hội  + Những hoạt động chính diễn ra trong lễ hội  + Ý nghĩa của lễ hội với người dân địa phương  - GV mời một số HS chia sẻ . HS khác chia sẻ và góp ý bổ sung những điều mình biết thêm về lễ hội đó.  - GV kết luận : Lễ hội truyền thống là sự kiện đặc biệt đượ tổ chức định kì để tôn vinh, duy trì những giá trị văn hóa , truyền thống của một cộng đồng, dân tộc. Lễ hội truyền thống thường có lịch sử lâu đời và được tổ chức theo nghi lễ đã được thực hiện qua nhiều thế hệ. Đây cũng chính là dịp những người cùng sinh sống trên địa bàn thể hiện sự găn bó và tinh thần đoàn kết.  ***\* Lồng ghép CĐ3: Quần thể di tích An Phụ, Kính Chủ, Nhẫm Dương (TXKinh Môn);***  **\* HĐ1. Tìm hiểu vị trí địa lí của quần thể An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương.**  - Đọc đoạn thông tin, quan sát lược đồ và thực hiện yêu cầu sau:  + Nằm trên vùng đất địa linh nhân kiệt, với cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, quần thể di tích An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương thuộc thị xã Kinh Môn được biết đến với những giá trị hiếm có về lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh ở phía Đông Bắc, là nơi căn cứ quân sự trọng yếu, là cầu nối kinh tế, văn hóa, chính trị giữa kinh đô Thăng Long với các vùng miền và các quốc gia lân cận. Quần thể di tích lịch sử An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương gắn liền với các tên tuổi của nhiều danh nhân trong lịch sử như nước ta, như An Sinh Vương Trần Liễu, vua Lê Thánh Tông, Phạm Sư Mạnh, Trương Quốc Dũng, Vũ Cán,Thiền sư Thuỷ Nguyệt. Năm 2016, Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh quần thể An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt.    - Cho biết vị trí địa lí của quần thể An Phụ- Kính Chủ- Nhẫm Dương trên lược đồ.  - Kể tên một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trong quần thể An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương?  - Quần thể di tích lịch sử An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương gắn liền với các tên tuổi của nhiều danh nhân trong lịch sử như nước ta, em hãy kể tên các nhân vật lịch sử ấy?  **\*HĐ2. Tìm hiểu một số di tích, danh thắng tiêu biểu trong quần thể An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương**  - Đọc thông tin và quan sát hình ảnh, em hãy lựa chọn và giới thiệu một di tích, danh thắng tiêu biểu trong quần thể An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương.  - GV chiếu thông tin cho HS quan sát.  + Em hãy kể tên lễ hội ở quê em?  + Lễ hội quê em tổ chức vào thời gian nào?  + Em hãy kể một số hoạt động của lễ hội?  \* GDĐP:  + Em hãy giới thiệu một số loại hình nghệ thuật truyền thống ở Hải Dương  => GV chốt: Mọi người đều có quyền được tham gia một số loại hình nghệ thuật truyền thống ở Hải Dương.  + Em cần làm gì để giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của một số loại hình nghệ thuật truyền thống ở Hải Dương ? | - HS thực hiện chia nhóm theo yêu cầu của GV  - HS thực hiện  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện.  - HS tham gia trò chơi.  - HS chú ý quan sát video và hình ảnh GV chiếu.  - HS nhận xét chéo bài làm của nhau  - HS chú ý lắng nghe.  -Hs quan sát và thực hiện  - HS kể tên  - HS lắng nghe.  -HS trả lời  -HS đọc thông tin |
| => GV chốt: Chúng ta có quyền và nghĩa vụ tham gia các hoạt động văn hóa do địa phương tổ chức. Quyền tự do kết giao, hội hợp tụ tập một cách hòa bình.  **Hoạt động 2: Chia sẻ và lưu ý khi tham gia lễ hội**  **a. Mục tiêu:** HS chia sẻ được những hiểu biết cần lưu ý khi tham gia lễ hội truyền thống  **-** Có ý thức tuân thủ lễ hội truyền thống.  **b. Cách tiến hành:**  - Từ những trải nghiệm khi tham gia lễ hội truyền thống địa phương mình. GV yêu cầu HS chia sẻ những lưu ý khi tham gia lễ hội và những quy định khi tham gia lễ hội truyền thống.  - GV cho HS thực hiện thảo luận nhóm 4 và trình bày vào bảng phu.  - GV yêu cầu các nhóm treo bảng phụ. Sử dụng “ kĩ thuật phòng tranh” . HS thực hiện quan sát và nhận xét chéo bài làm của nhau.  ***\*Lồng ghép Chủ đề 4: Lễ hội Đền Quát (huyện Gia Lộc)***  **a. Tìm hiểu về Đền Quát**  **-** GV đưa ra một số thông tin về Đền Quát, yêu cầu HS ghi chép lại những thông tin về Đền Quát theo gợi ý:  Đền Quát thuộc huyện nào của tỉnh Hải Dương? Lịch sử thành lập ngôi đền? Đền thờ ai? Đền toạ lạc ở đâu? Diện tích ngôi đền? Đền Quát được xếp hạng di tích quốc gia năm nào? Em thích hình ảnh nào trong ngôi đền ?…  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **b. Lễ hội Đền Quát**  - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh  + Kể tên những hoạt động chính trong phần lễ ở hội đền Quát.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  + Kể tên những hoạt động chính trong phần hội ở hội đền Quát.  - GV nhận xét, chốt kiến thức  + Kể tên một số loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Hải Dương?  - GV nhận xét bài làm của HS và thực hiện chốt kiến thức.  **MỘT SỐ LƯU Ý KHI THAM GIA LỄ HỘI**  \* Tuân thủ đúng những quy định của Ban tổ chức lễ hội  \* Không chen lấn, xô đẩy gây mất trật tư  \* Mặc trang phục phù hợp với thuần phong mĩ tục  \* Ứng xử có văn hóa  \* Giữ gín vệ sinh môi trường  \* Không nói tục, chửi bậy gây ảnh hưởng xấu đến lễ hội  - GV chốt kiến thức và kết luận trọng tâm choHS | - HS đưa ra ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS chú ý quan sát  - HS thực hiện bày tỏ ý kiến và giải thích.  - HS kể  -HS lắng nghe và ghi chép  HS làm việc nhóm đôi, quan sát, thảo luận, ghi chép lại ý chính.  - HS chú ý lắng nghe  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - Nhóm khác, nhận xét, bổ sung |
| **Hoạt động 3: Hoạt động nối tiếp**  - GV hướng dẫn HS tích cực tham gia các lễ hội truyền thống tại địa phương em  - Sưu tầm thêm tranh ảnh về các lễ hội truyền thống tại địa phương em | - HS chú ý lắng nghe và thực hiện |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ năm ngày 26 tháng 12 năm 2024

Buổi sáng

Tiết 1: Luyện từ và câu

**KẾT TỪ (TIẾP THEO)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Hiểu và nhận biết được các cặp kết từ, các từ ngữ được chúng nối với nhau.

- Viết được đoạn văn có sử dụng cặp kết từ.

**2. Năng lực chung**

-Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (thông qua việc giải các BT), NL giao tiếp và hợp tác (thông qua HĐ nhóm).

**3. Phẩm chất**

-Bồi dưỡng các PC chăm chỉ, trách nhiệm (thông qua HĐ chuẩn bị bài, giải các BT).

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

- HS chuẩn bị: *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:** | |
| - GV có thể cho HS chơi Trò chơi Truyền bóng.  Cách chơi: Cả lớp cùng tham gia truyền tay nhau 1 quả bóng do GV đã chuẩn bị theo giai điệu một bài hát. Khi nhạc dừng thì sẽ dừng truyền bóng, bóng đến tay HS nào thì HS đó đặt 1 câu có sử dụng kết từ và chỉ ra kết từ đó.  - GV giới thiệu bài: Trong trò chơi vừa rồi, các bạn đã tìm được các kết từ đã học. Ở Bài 8, các em đã được tìm hiểu về kết từ và cách sử dụng chúng khi nói, viết. Hôm nay, chúng ta sẽ được tìm hiểu thêm về các kết từ được sử dụng thành cặp ở trong câu. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Mục tiêu:** - Giúp học sinh hiểu được thế nào là cặp kết từ, nhận ra các cặp kết từ trong các câu. | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về cặp kết từ**  **Cách tiến hành:**  - GV cho HS đọc BT của mục Nhận xét.  - GV tổ chức cho HS HĐ nhóm (mỗi nhóm 4 - 5 HS) thảo luận về 2 CH trong SGK (trang 124).  - GV cho đại điện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. HS khác và GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  + Các từ in đậm trong những câu sau có tác dụng gì?  + Các từ này có gì khác với những kết từ mà em đã học ở bài trước?  - GV kết luận: Các cặp từ ): nếu... thì...; tuy... nhưng...; không chỉ... mà còn...; vì... nên... được gọi là cặp kết từ.  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  - GV đặt câu hỏi giúp HS rút ra bài học: Ngoài các kết từ đã học ở bài trước, các từ ngữ trong câu còn có thể được nối với nhau bằng gì?  - GV nhận xét và chiếu nội dung bài học. Cho vài HS nhắc lại.  - Yêu cầu HS đặt câu có sử dụng cặp kết từ, sau đó chia sẻ cặp đôi. | - Học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của giáo viên.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả:  + Các từ in đậm có tác dụng nối các từ ngữ trong câu với nhau.  + Các từ này khác với các kết từ đã học ở bài trước ở 2 điểm:  (1) Chúng hoạt động theo cặp (2 từ): nếu... thì...; tuy... nhưng...; không chỉ... mà còn...; vì... nên...  (2) Chúng chỉ được dùng để nối các từ ngữ trong một câu (mà không dùng để nối các câu với nhau).  - Các từ ngữ trong câu còn có thể được nối với nhau bằng một cặp kết từ.  Các cặp kết từ thường gặp là:  + Vì... nên...; do... nên...; nhờ... mà...  + Nếu... thì...; hễ... thì (là)...  + Tuy... nhưng...; mặc dù... nhưng...  + Không những... mà còn...; không chỉ... mà còn...  - Học sinh đặt câu với cặp kết từ, chia sẻ cặp đôi/chia sẻ trước lớp. |
| **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành**  **Mục tiêu:**  **-** Lựa chọn được các cặp kết từ phù hợp với nội dung câu văn.  - Viết được đoạn văn có các câu sử dụng cặp kết từ. | |
| **Hoạt động 3.Tìm cặp kết từ phù hợp để thay kí hiệu bông hoa trong mỗi câu (BT 1)**  **Cách tiến hành:**  - Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 1.  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi tìm cặp kết từ phù hợp để thay kí hiệu bông hoa trong mỗi câu.  - GV nhận xét; hướng dẫn HS sửa BT (nếu cần).  a) Cặp kết từ không chỉ… mà còn… GV giải thích: Cặp từ ấy nối viết chữ đẹp và nổi tiếng về tài văn thơ.  B Cặp kết từ nhờ… mà… GV giải thích: Cặp từ ấy: nối các từ ngữ phục hồi rừng ngập mặn và ở nhiều địa phương, môi trường đã có những thay đổi rất nhanh chóng.  c) Cặp kết từ hễ… là… GV giải thích: Cặp từ ấy nối các từ ngữ có con bọ xít nào và chú cháu bé Trang lại bắt cho gà ăn.  - Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.  - GV cho HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề (SGK, trang 125); chỉ ra cặp kết từ trong đoạn văn.  - GV gọi một số HS báo cáo kết quả ( hoặc GV chiếu bài làm của HS). Cả lớp nhận xét về đoạn văn và việc sử dụng cặp kết từ trong đoạn.  - GV nhận xét, hướng dẫn HS hoàn thiện bài viết.  - Gv hỏi: Có thể thay cặp kết từ trong đoạn văn bằng cặp kết từ nào khác mà nghĩa câu văn không thay đỏi? | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập; cả lớp đọc thầm theo. BT1: *Tìm cặp kết từ phù hợp để thay kí hiệu bông hoa trong mỗi câu.*  - HS làm việc nhóm đôi thực hiện yêu cầu của bài tập.  - Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. Các nhóm khác nêu ý kiến.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập; cả lớp đọc thầm theo. *(BT 2: Viết một đoạn văn ngắn về các chiến sĩ công an trong một bài đọc mà em đã học; trong đoạn văn có ít nhất một câu sử dụng cặp kết từ. chỉ ra cặp kết từ ấy.)*  - HS làm việc cá nhân viết đoạn văn vào vở ô li.  - Một số HS đọc đoạn văn của mình trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét. VD: Bằng sự khẩn trương, dũng cảm và khéo léo của mình, các chiến sĩ cảnh sát trong bài đọc “32 phút giành sự sống” đã cứu được bạn nhỏ bị nạn. Các chú không chỉ đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc mà còn chiếm trọn vẹn niềm tin yêu của nhân dân. Em rất cảm phục các chú.  - Có thể thay bằng “không những…mà còn…” |
| **4. Hoạt động vận dụng:** | |
| - GV hỏi: Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?  - Điều đó giúp em việc gì?  - Học sinh về nhà đặt thêm câu có sử dụng những cặp kết từ khác để chia sẻ trước lớp vào tiết sau. | HS: - Biết các cặp kết từ và cách sử dụng các cặp kết từ này. Hiểu biết đó giúp em lựa chọn từ đúng trong nói và viết. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Toán

**SỬ DỤNG MÁY TÍNH CẦM TAY (TIẾT 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Sử dụng máy tính cầm tay để giải quyết các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm; từ đó vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có sự hỗ trợ của máy tính cầm tay để tính toán.

- Phát triển các NL toán học: giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học.**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, máy tính cầm tay loại có các phím bấm cơ bản.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều, phiếu học tập ghi nội dung Bài 5.

**2. Học sinh**

- Máy tính cầm tay

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động (4P)** | |
| **-** Tổ chức trò chơi “Ai nhanh ai đúng” bằng cách chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội cử 3 bạn để tham gia thi đấu. Các đội sẽ **sử dụng máy tính để tìm ra câu trả lời** và chạy tiếp sức lên bảng để viết câu trả lời của đội mình. Đội nào có kết quả đúng và nhanh sẽ giành phần thắng.  - Tiến hành chơi. Quản trò đọc câu hỏi:  Câu 1: Tìm kết quả của phép chia 26 : 30 (phần thập phân của thương chỉ lấy đến 4 chữ số)  Câu 2: Tìm giá trị của biểu thức 125 – 25: 5  Câu 3: Tìm 25% của 165  - Nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc; tổng kết hoạt động. | **-** Nghe phổ biến luật chơi. Lớp chia thành 2 đội. Mỗi đội cử 3 người chơi.  - Tham gia trò chơi.  - KQ: 0,8666  - KQ: 25  - KQ: 41,25  - Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập – Thực hành (22P)**  **\* Mục tiêu:** Giúp HS sử dụng máy tính cầm tay để giải quyết các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm; từ đó vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có sự hỗ trợ của máy tính cầm tay để tính toán. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 3**  **Bài 3a**  - Mời HS đọc nội dung bài  - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  -GV nói rõ thêm tiền lãi ở đây là số tiền người gửi tiết kiệm nhận được từ ngân hàng người đó đã gửi tiền tiết kiệm theo kì hạn. Có thể hiểu đây là số tiền lãi cô Lan nhận được khi cho ngân hàng vay tiền của mình.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để trả lời: Để tính số tiền lãi cô Lan nhận được ta làm thế nào ? Vì sao em làm như vậy?  - Nhận xét, chốt ý đúng.  - Yêu cầu HS sử dụng máy tính cầm tay để tìm và viết kết quả vào VBT trang 108  - Mời 1-2HS đọc to kết quả, chia sẻ cách ấn phím máy tính. HS khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án; chuyển ý qua bài b.  **Bài 3b**  - Mời HS đọc nội dung bài  - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  - GV nói rõ thêm tiền lãi ở đây là số tiền người đó phải trả thêm cho ngân hàng theo lãi suất vì vay tiền của ngân hàng. Để tính số tiền lãi bác Thành phải trả trung bình mỗi tháng ta làm thế nào? Vì sao em làm như vậy?  - Yêu cầu HS sử dụng máy tính cầm tay để tìm và viết kết quả vào VBT trang 108  - Mời 1-2HS đọc to kết quả, chia sẻ cách ấn phím máy tính. HS khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án.  -H: Qua bài toán này bạn nào có thể rút ra cách làm thế nào để tính số tiền lãi tiết kiệm hay tiền lãi vay trong thực tiễn?  - Nhận xét, mời HS nhắc lại.  **Bài 4**  - Mời 1HS nêu yêu cầu bài tập  - Tỉ số phần trăm giảm của giá bán là bao nhiêu?  - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận theo cặp để đề xuất cách tính giá bán sau khi giảm giá của các mặt hàng ta làm thế nào?  - Mời HS chia sẻ cách tính trước lớp  - Chốt cách tính đúng:  **Giá bán sau khi giảm giá = Giá gốc – (Giá gốc x 15%)**  - Tổ chức trò chơi ***“Đi siêu thị”***, yêu cầu HS sử dụng máy tính cầm tay để tính giá bán sau khi giảm giá của mặt hàng GV yêu cầu trên màn hình TV và viết kết quả vào bảng con. HS trả lời đúng sẽ được tiếp tục đi siêu thị, sai bị dừng lại. Trong quá trình chơi, GV có thể dừng lại để hỏi HS cách tính, cách ấn phím để cứu 1 bạn bị dừng lại do HS trả lời đúng tự chọn.  - Nhận xét, tổng kết trò chơi. | **-** 1HS đọc nội dung bài 3a  + Bài toán cho biết: Lãi suất tiết kiệm tại một ngân hàng là 7% với kì hạn một năm  + Bài toán hỏi: Tính số tiền lãi cô Lan nhận được sau một năm, nếu số tiền cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng lần lượt là 100 000 000 đồng; 75 000 000 đồng.  - Lắng nghe.  - Số tiền lãi = Tiền gửi x 7%. Vì đây là dạng toán tính giá trị phần trăm của một số cho trước.  - Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  *a) Số tiền lãi cô Lan nhận được sau một năm, nếu cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng*  *100 000 000 đồng là:*  *100 000 000 x 7% = 7 000 000 (đồng)*  *Số tiền lãi cô Lan nhận được sau một năm, nếu cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng*  *75 000 000 đồng là:*  *75 000 000 x 7% = 5 250 000 (đồng)*  **-** 1HS đọc nội dung bài 3b  + Bài toán cho biết: Một ngân hàng cho vay với lãi suất 9% một năm  + Bài toán hỏi: trung bình mỗi tháng bác Thành phải trả bao nhiêu tiền lãi nếu vay ngân hàng 90 000 000 đồng.  - Số tiền lãi = (Tiền vay x 9%): 12. Vì đây là dạng toán tính giá trị phần trăm của một số cho trước.  *b) Số tiền lãi mỗi năm bác Thành phải trả là:*  *90 000 000 x 9% = 8 100 000 (đồng)*  *Trung bình mỗi tháng, số tiền lãi bác Thành phải trả là:*  *8 100 000 : 12 = 675 000 (đồng)*  - **Số tiền lãi = Tiền gửi (Tiền vay) x tỉ số phần trăm lãi suất**  - 1-2HS nhắc lại.  - 1HS nêu: Sử dụng máy tính cầm tay để tính giá bán sau khi giảm giá của một số mặt hàng  - TL: 15%  - Thảo luận theo cặp, đề xuất cách tính  - Đại diện các nhóm chia sẻ cách tính  - Lắng nghe.  - Lắng nghe cách chơi, tham gia chơi.  *Giá bán sau khi giảm giá của bàn là hơi nước là:*  *799 000 – (799 000 x 15%) = 679 150 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của máy sấy tóc là:*  *499 000 – (499 000 x 15%) = 424 150 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của máy xay sinh tố là:*  *1 390 000 – (1 390 000 x 15%) = 1 181 500 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của ấm siêu tốc là:*  *540 000 – (540 000 x 15%) = 459 000 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của nồi chiên không dầu là:*  *1 390 000 – (1 390 000 x 15%) = 1 181 500 (đồng)* |
| **3. Hoạt động vận dụng (8P)**  **\* Mục tiêu**:  - Giúp HS vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có sự hỗ trợ của máy tính cầm tay để tính toán; giáo dục ý thức tiết kiệm, quản lý tài chính trong gia đình. | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 5**  - Mời 1HS đọc nội dung bài tập  - Yêu cầu HS **xác định** việc cần làm  - Các khoản đó là gì và tỉ lệ bao nhiêu?  - Sử dụng kĩ thuật dạy học Mảnh ghép.  + Nhóm chuyên gia: mỗi nhóm suy nghĩ, trao đổi, thảo luận tìm số tiền dành cho mỗi khoản.  + Nhóm mảnh ghép: chia sẻ cách tìm số tiền dành cho 3 khoản.  + Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận  - Nhận xét, tổng kết hoạt động  - GV cho HS liên hệ thực tế việc quản lí tài chính trong gia đình mình. Giới thiệu cho HS biết một số cách quản lí tài chính gia đình hợp lí.  \* **Củng cố, dặn dò** (1p)  - Qua bài học ngày hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi sử dụng máy tính cầm tay để tính toán, cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà tìm tình huống thực tế liên quan đến việc sử dụng máy tính cầm tay | - 1HS đọc, lớp theo dõi.  - **Tính** giúp chị Mai **số tiền dành cho mỗi khoản** theo tỉ lệ bài đã cho, biết tổng số tiền thu nhập khoảng 17 triệu đồng.  - Việc thiết yếu: 50%  Chi tiêu khác: 30%  Tiết kiệm hoặc trả nợ : 20%  - Tiến hành theo nhóm chuyên gia; nhóm mảnh ghép.  - Đại diện 2-3 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.   |  |  | | --- | --- | | 50% chi tiêu cho những việc thiết yếu | 8 500 000 đồng | | 30% cho các chi tiêu mong muốn khác | 5 100 000 đồng | | 20% dành cho tiết kiệm hoặc trả nợ | 3 400 000 đồng |   - Lắng nghe.  - Trả lời theo suy nghĩ.  - TL |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có)** ...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Lịch sử - Địa lí

**Bài 12: TRIỀU NGUYỄN ( Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh, …) liên quan đến Triều Nguyễn.

- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, vua Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...).

- Yêu nước: tự hào về lịch sử quê hương, đất nước.

**II. Đồ dùng dạy học:** Máy tính, tivi**,**  Phiếu học tập, lược đồ, hình ảnh tiêu biểu về Triều Nguyễn.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV hướng dẫn HS cả lớp đọc thông tin ở phần Khởi động trong SGK trang 54 quan sát hình 1 và thực hiện nhiệm vụ: Cho biết công trình trong hình 1 liên quan đến triều đại nào. Nêu ít nhất 1 điều em biết về triều đại này theo kĩ thuật động não.  - HS lần lượt trả lời theo gợi ý. Hình 1 là Ngọ Môn trong Đại Nội ở Thừa Thiên Huế là một công trình được xây dựng dưới Triều Nguyễn.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS quan sát, lắng nghe chia sẻ.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **1. Sự thành lập Triều Nguyễn** | |
| **\*Hoạt động 1: Trình bày được những nét** về **sự thành lập Triều Nguyễn**  - GV hướng dẫn HS đọc mục 1 trong SGK trang 54 và thực hiện nhiệm vụ Nêu những việc vua Gia Long đã làm để thành lập và xây dựng Triều Nguyễn.  - Đại diện HS trả lời câu hỏi. HS còn lại nhận xét, bổ sung theo gợi ý: Các việc vua Gia Long đã làm để thành lập và xây dựng Triều Nguyễn  - GV nhận xét và tổng kết theo nội dung. | - HS lắng nghe thực hiện (cộng tác với bạn khi cần).  - HS chia sẻ, các HS khác lắng nghe.  + Lên ngôi vua, lập ra Triều Nguyễn và lấy niên hiệu là Gia Long.  + Đặt tên nước là Việt Nam, đóng đô ở Phú Xuân.  + Ban hành luật pháp, quan tâm đến sản xuất nông nghiệp,... |
| **2. Đất nước dưới Triều Nguyễn** | |
| **\* Hoạt động 2: Trình bày những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn**  **-** GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong SGK trang 55 – 58 và hoàn thành thẻ giới thiệu về các nhân vật theo gợi ý ở phiếu học tập.  **-** GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần. | **- HS lắng nghe thực hiện theo sự phân công của GV.**  + Nhóm 1: Hoàn thành thẻ giới thiệu về vua Minh Mạng và việc củng cố phát triển Triều Nguyễn.  + Nhóm 2: Hoàn thành thẻ giới thiệu về Nguyễn Công Trứ và công cuộc khẩn hoang dưới Triều Nguyễn.  + Nhóm 3: Hoàn thành thẻ giới thiệu về Nguyễn Trường Tộ và những đề nghị cải cách dưới Triều Nguyễn.  + Nhóm 4: Hoàn thành thẻ giới thiệu về Phan Đình Phùng và phong trào Cần vương chống Pháp. |
| **PHIẾU HỌC TẬP**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **THẺ NHÂN VẬT** | | | | | **Nhân vật** | **Tiểu sử** | **Đóng góp chính** | **Điều em học được** | | **Vua Minh Mạng** |  |  |  | | **Nguyễn Công Chứ** |  |  |  | | **…….** |  |  |  | | |
| - GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến.  - GV chụp ảnh sản phẩm của các nhóm cho chia sẻ trên màn hình tivi. | - Đại diện các nhóm chia sẻ ý kiến, các nhóm khác bổ sung. |
| **3. Củng cố, dặn dò:**  - GV đặt các câu hỏi ôn lại kiến thức bài học  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương những HS học tốt. | - Theo dõi, thực hiện |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Tiếng Việt tăng

**LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ, KẾT TỪ**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố, khắc sâu khái niệm về đại từ, kết từ.

- Vận dụng làm một số bài tập xác định được đại từ, kết từ và đặt được một số câu văn có liên quan đến đại từ. Biết sử dụng kết từ để đặt câu, viết đoạn văn.

**\* Năng lực chung**

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trình bày kết quả trước lớp và trả lời câu hỏi của các bạn

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học:chủ động khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

**\* Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Bồi dưỡng tác phong cụ thể, rèn luyện tính cẩn thận,tỉ mĩ trong học tập ...

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học:** Bảng phụ,phiếu bài tập (BT2).

**III. Các hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  + Đại từ là gì? Cho ví dụ.  + Kết từ là gì? Đặt câu có dùng kết từ.  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV giới thiệu bài mới, ghi bảng.  **2. Luyện tập - Thực hành :**  **\* Hoạt động 1: Ôn tập về đại từ**  **Bài 1:** Tìm đại từ xưng hô trong đoạn thơ sau:  Trong anh và em hôm nay  Đều có một phần đất nước  Khi hai đứa cầm tay  Đất nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm  Khi chúng ta cầm tay mọi người  Đất nước vẹn tròn to lớn  Mai này con ta lớn lên  Con sẽ mang đất nước đi xa.  (Nguyễn Khoa Điềm)  - GV giúp đỡ HS làm bài  => Củng cố về đại từ dùng để xưng hô  **Bài 2:** Gạch dưới danh từ được lặp lại nhiều lần trong những câu văn sau, ghi ra những đại từ có thể thay thế cho danh từ đó.  *Tiếng gà của anh Bốn Linh dõng dạc nhất xóm. Gà trống nhón chân bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước. Bị chó vện đuổi, gà trống bỏ chạy.*  - GV giúp đỡ HS làm bài  - GV nhận xét, chữa bài cho HS.  => Củng cố về đại từ thay thế.  **\* Hoạt động 1: Ôn tập về kết từ**  **Bài 3** (BP) : Tìm kết từ được sử dụng trong đoạn văn sau:  *A Cháng đẹp người thật. Mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay bắp chân rắn như trắc, gụ. Vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng. Nhưng phải nhìn A Cháng cày mới thấy hết vẻ đẹp của anh.*  + Nêu cách nhận biết kết từ?  => Củng cố kĩ năng nhận diện động từ, tính từ, quan hệ từ trong đoạn văn cho trước.  **Bài 4:** Viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu tả một người bạn của em đang vui chơi.  Nêu các kết từ đã sử dụng trong đoạn văn đó.  - Nhấn mạnh cho HS: đối tượng miêu tả là bạn của em, nội dung tả là cảnh bạn đang vui chơi. Em tả bạn đang chơi trò gì? Cử chỉ, hoạt động của bạn ra sao?(Đoạn văn chủ yếu tả hoạt động)  -*> Củng cố kĩ năng viết đoạn văn tả người đang hoạt động và nhận diện động từ, tính từ, quan hệ từ đã sử dụng*  **3. Vận dụng – trải nghiệm**  - GV tổ chức chơi trò chơi : *Ai nhanh, ai đúng*  Tìm đại từ có trong câu sau :  *Đi cho biết đó biết đây*  *Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.*  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - HS suy nghĩ cá nhân.  - HS nối tiếp xung phong trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS tự làm bài vào vở.  - HS lần lượt xung phong chữa bài.  Đáp án: anh; em; chúng ta; ta.  - HS đọc yêu cầu.  - 1HS làm bảng phụ, lớp làm phiếu học tập.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS trao đổi nhóm, làm bài.  Đáp án:  Kết từ: nhưng, của, như.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - Nêu hình thức, nội dung đoạn văn.  - Viết đoạn văn vào vở.  - Trình bày đoạn viết trước lớp.  - Nhận xét. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có )**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Chiều: Tiết 1: Công nghệ

*( Đ/c Phạm Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Tin học

*( Đ/c Phạm Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Thể dục

*( Đ/c Nguyễn Hồng soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Thứ sáu ngày 27 tháng 12 năm 2024

Buổi chiều: Tiết 1+2: Tiếng Anh

**(***Đ/c Vân soạn và dạy )*

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Toán

**TỈ LỆ BẢN ĐỒ (TIẾT 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ (là tỉ số giữa hai độ dài).

- Vận dụng giải quyết vấn đề về tính toán liên quan đến quan hệ giữa độ dài thật (đo được trên thực tế) và độ dài đo được trên bản đồ.

- Phát triển các NL toán học: giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, Bản đồ hành chính Việt Nam và một số bản đồ địa phương tương ứng, một số sơ đồ mô tả một số mặt bằng thích hợp.

- Bảng phụ.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động (2P)** | |
| **-** Tổ chức hát múa bài “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”  - -Hỏi: Các em đã được học về bản đồ trong môn địa lí, em hãy cho biết bản đồ là gì?  -Để vẽ được bản đồ người ta phải dựa vào tỉ lệ bản đo, vậy tỉ lệ bản đồ là gì? Tỉ lệ bản đồ cho ta biết gì? Bài học hôm nay sẽ cho các em biết điều đó. | **-** Hát múa bài “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”.  - TL  - Lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức (12P)**  **\* Mục tiêu:**  - HS hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ (là tỉ số giữa hai độ dài). | |
| **\* Cách tiến hành:**  **-** Treo bản đồ hành chính Việt Nam, giới thiệu tên bản đồ; đây chính là Hình 1 ở SGK/108.  - Yêu cầu HS quan sát Hình 1 SGK, tìm và đọc tỉ lệ bản đồ.  - Mời 1-2HS lên bảng tìm và đọc tỉ lệ bản đồ  - Nhận xét, giới thiệu: ở góc trái phía dưới của bản đồ hành chính nước Việt Nam có ghi: “Tỉ lệ 1 : 10 000 000”. Tỉ lệ đó là tỉ lệ bản đồ.  - Yêu cầu HS đọc thầm thông tin SGK/109, thảo luận theo cặp và cho biết:  + Tỉ lệ bản đồ là gì?  + Tỉ lệ 1 : 10 000 000 trên bản đồ hành chính nước Việt Nam cho em biết điều gì?  Thời gian thảo luận: 3p  - Mời đại diện các nhóm trả lời  - GV giảng thêm: Tỉ lệ bản đồ 1 : 10 000 000 cho biết hình nước Việt Nam được vẽ thu nhỏ mười triệu lần. Nếu biết độ dài 1 cm trên bản đồ thì độ dài thật tương ứng là:  1cm x 10 000 000 = 10000000 cm hay 100 km trên thực tế.  - GV nhận xét, kết luận:  + tỉ lệ bản đồ là một tỉ số giữa độ dài đo được trên bản đồ và độ dài thật đo được trên thực tế. **Như vậy Tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa hai độ dài (hoặc là tỉ số giữa hai khoảng cách).**  **+** tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1.  - Mời 1-2HS nhắc lại, lớp theo dõi.  - GV giới thiệu thêm một số bản đồ, một số sơ đồ mặt bằng, yêu cầu HS trao đổi để tìm tỉ lệ bản đồ và tỉ lệ đó cho biết điều gì?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm cách tính độ dài thật khi biết độ dài trên bản đồ và ngược lại.  - Mời đại diện 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung  - GV nhận xét, chốt cách tính:  + Độ dài thật = độ dài trên bản đồ x tỉ lệ  + Độ dài trên bản đồ = độ dài thật : tỉ lệ  (chú ý đổi về cùng đơn vị đo)  - Chuyển ý, sang hoạt động C. | - Quan sát, lắng nghe.  - Thực hiện  - 1-2HS lên chỉ bản đồ trên bảng lớp, cả lớp theo dõi, nhận xét.  - Lắng nghe.  - Đọc thầm, thảo luận theo cặp.  - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe.  - Thực hiện  - Trao đổi với bạn để tìm tỉ lệ của bản đồ và ý nghĩa.  - Thực hiện  - 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung  - 1-2 HS nhắc lại cách tính |
| **3. Hoạt động luyện tập – Thực hành (22P)**  **\* Mục tiêu:**  - Giúp HS luyện tập, củng cố ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ và vận dụng để tính độ dài tương ứng khi đã biết số đo của một độ dài. Đồng thời củng cố kĩ năng đọc, viết tỉ lệ bản đồ | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS **xác định** việc cần làm  - Muốn tính độ dài thật ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở VBT trang 110.  - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để giải bài 1.  *Quản trò : Truyền điện truyền điện*  *Quản trò: Truyền bạn … Nêu yêu cầu:*  *Ví dụ: Biết tỉ lệ bản đồ là 1 : 100. Độ dài trên bản đồ là 1 cm thì độ dài thật là bao nhiêu cm?*  - GV nhận xét cách đọc tỉ lệ bản đồ, cách hiểu ý nghĩa tỉ lệ bản đồ của HS; tổng kết trò chơi. Yêu cầu HS đổi chéo vở để chấm chữa bài.  **Bài 2**  - Mời 1HS đọc nội dung bài 2.  - Yêu cầu HS **xác định** việc cần làm  - Yêu cầu thảo luận nhóm 4 để làm bài 2, viết kết quả vào VBT trang 110,111. Thời gian thảo luận: 4 phút.  - Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhận xét, chốt câu trả lời đúng.  **\* Củng cố, dặn dò (2P)**  - Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà các em ôn lại về: tỉ lệ bản đồ; biết tỉ lệ bản đồ, tính độ dài thật khi biết độ dài đo được trên bản đồ. | - BT yêu cầu điền số  - Dựa vào tỉ lệ bản đồ, độ dài trên bản đồ để **tính độ dài thật.**  **-** Trả lời  - Làm bài vào VBT  - Tham gia trò chơi  *- Đáp: Truyền ai truyền ai*  *- Đáp: Độ dài thật là :*  *1 cm x 100 = 100cm.*  *-* HS đáp đúng sẽ được truyền điện đố tiếp bạn khác. Đáp sai bị điện giật đứng tại chỗ.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Tỉ lệ bản đồ* | *1: 100* | *1:500* | *1:10 000* | *1:800 000* | | *Độ dài trên bản đồ* | *1 cm* | *1 mm* | *2 cm* | *5 mm* | | *Độ dài thật* | *100 cm* | *500 mm* | *20 000 cm* | *4 000 000 mm* |   - Lắng nghe. Tuyên dương bạn đáp đúng. Đổi chéo vở nhau để chấm chữa bài.  - Đọc nội dung bài 2  - BT yêu cầu: **quan sát** hình vẽ sơ đồ sân bóng và cho biết:  a) Sân bóng trên được vẽ với **tỉ lệ nào**? **Tỉ lệ đó cho ta biết điều gì**?  b) **Đo** chiều dài, chiều rộng của sân bóng **trên sơ đồ** và **tính** chiều dài thật, chiều rộng thật của sân bóng.  - Thảo luận nhóm 4, hoàn thành bài tập 2.  -Đại diện 2-3 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  *a) Sân bóng trên được vẽ với tỉ lệ 1 : 1 000 Tỉ lệ đó cho ta biết tỉ số giữa độ dài đo được trên sơ đồ sân bóng và độ dài thật đo được trong thực tế là 1 : 1 000. Nói cách khác, độ dài thật dài gấp 1 000 lần so với độ dài đo được trên sơ đồ sân bóng.*  *b) Chiều dài trên bản đồ là 10,5 cm; Chiều rộng trên bản đồ là 6,8 cm.*  *Vậy, chiều dài thật của sân bóng là:*  *10,5 cm x 1 000 = 10 500 cm = 105 m.*  *Chiều rộng thật của sân bóng là:*  *6,8 cm x 1 000 = 6 800 cm = 68 m.*  - Trả lời.  - Lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 4: Hoạt động trải nghiệm 3

**SINH HOẠT LỚP: TRÒ CHƠI MẢNH GHÉP LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS thể hiện hiểu biết của bản thân về các lễ hội truyền thống của địa phương

- HS cảm nhận được niềm tự hào trân trọng các giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc.

**2. Năng lực chung**

- Góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học,giao tiếp và hợp tác,giải quyết vấn đề sáng tạo,điều chỉnh hành vi,phát triển bản thân.

**3. Phẩm chất**

- Góp phần hình thành phẩm chất trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát huy truyền thống lễ hội

- Chăm chỉ trong các hoạt động góp bảo vệ truyền thống quê hương.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**1.  Đối với giáo viên**

- Các video clip,tranh ảnh về lễ hội truyền thống.

- Máy tính,ti vi... (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- Sách HS HĐTN 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:**  - Cho HS vận động theo lời bài hát “ Quê hương tươi đẹp”  - Cho HS nêu cảm nhận của mình qua giai điệu của bài hát.  - Nêu cảm nghĩ của mình về bài hát trên  - GV thực hiện nhận xét và đánh giá khích lệ HS  - GV giới thiệu bài ngày hôm nay : Hôm nay các em sẽ được tìm hiểu về các lễ họi truyền thống thông qua rất nhiều trò chơi vuii nhộn . Các bạn đã sẵn sàng chưa nào? Chúng ta cùng nhau bắt đầu tiết học ngày hôm nay nhé??? | - Cả lớp thực hiện vận động và hát tại chỗ  - 1 số HS nêu:  - HS trả lời các câu hỏi  - HS lắng nghe | | |
| **2.Hoạt động luyện tập**  **Hoạt động 1: Tập hợp , trình bày triển lãm tranh**  **a. Mục tiêu**: HS trình bày được những lễ hội truyền thống ở các địa phương mà mình đã sưu tầm thông qua cac bức tranh  - HS chia sẻ được lễ hội truyền thống đó  **b. Cách tiến hành:** | | | |
| - GV thực hiện giao cho các nhóm bảng phụ. Các nhóm thưc hiệ thảo luận nhóm 4  \* Nội dung thảo luận  + HS thực hiện đưa ra các bức tranh ảnh về lễ hội truyền thống địa phương em?  + Dán và trang trí các bức tranh ảnh đó.  + Trình bày với các thành viên trong nhóm mình về nội dung bức tranh, ảnh đó: Đây là lễ hội gì? Được tổ chức tại đâu? Lễ hội đó được tổ chức vào thời gian nào? Lễ hội đó được nhân dân tổ chức với mục đích gì?  - GV yêu cầu HS thực hiện thảo luận trong vòng 10 phút  - GV yêu cầu HS treo bảng phụ về bức tranh lễ hội nhóm mình.  - GV cho HS đi quan sát chéo các nhóm để rút ra nhận xét cho nhau  - GV yêu cầu nhóm trưởng lên trình bày giới thiệu về bức ttranh của mình? Theo kiểu “ Phóng viên nhí.  - GV yêu cầu HS nhận xét bức tranh của các nhóm  - GV nhận xét và chốt kiến thức, tuyên dương | | - HS thực hiện chia nhóm theo yêu cầu của GV  - HS thực hiện  - HS chú ý lắng nghe yêu cầu và thực hiện  - HS thực hiện  - HS thảo luận  - HS quan sát tranh  - HS trình bày | |
| **Hoạt động 2: Trò chơi mảnh ghép lễ hội**  **a. Mục tiêu:** HS tham gia trò chơi mảnh ghép lễ hội thông qua đó hiểu được ý nghĩa các lễ hội  **-** Có ý thức tuân thủ lễ hội truyền thống.  **b. Cách tiến hành:**  - GV đưa ra hệ thống các mảnh ghép câu đố về lễ hội  - GV cho HS tham gia trò chơi : “ Ai nhanh nhất” để trả lời các câu hỏi đề ra.  Câu 1: Lễ hội chàu chiền nào ở miền Bắc kéo dài và lớn nhất trong năm?   |  |  | | --- | --- | | A. Hội Yên Tử | B Hội Lim | | C. Hội Chùa Hương | D. Hội Phủ Giày |   Câu 2: Lễ hội nào có ý nghĩa “ Mua may, bán rủi”   |  |  | | --- | --- | | A. Hội gióng | B. Hội đền Trần | | C. Hội Gò Đống Đa | D. Hội Chợ Viềng |   Câu 3: Hội Tịch Điền trở thành ngày kỷ niệm vị vua nào xuống đồng đi cày?   |  |  | | --- | --- | | A. Lê Anh Tông | B. Trần Thái Tông | | C. Lê Đại Hành | D. Lê Trung Tông |   Câu 4: giỗ tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày nào?   |  |  | | --- | --- | | A. 6/3 âm lịch | B. 10/3 dương lịch | | C. 11/3 âm lịch | D. 10/3 âm lịch |   - GV cho HS tham gia trò chơi và lật mảnh ghép  - GV giới thiệu các mảnh ghép, lễ hội được nhắc đến trong các câu hỏi.  - GV chiếu video và hình ảnh về các lễ hội đó.  - GV chốt kiến thức bài. | | | - HS chú ý quan sát và lắng nghe.  - HS tham gia trò chơi  -HS thực hiện lắng nghe  -HS quan sát |
| **Hoạt động 3: Hoạt động nối tiếp**  - GV hướng dẫn HS tích cực tham gia các lễ hội truyền thống tại địa phương em  - Sưu tầm thêm tranh ảnh về các lễ hội truyền thống tại địa phương em | | | - HS chú ý lắng nghe và thực hiện |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Buổi chiều: Tiết 1: Tiếng Việt

**BÀI VIẾT 2: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN**

**VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI (ÔN TẬP)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Nhớ được cấu tạo và cách viết đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội.

- Viết được đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội theo một đề bài cụ thể. Đoạn văn không mắc lỗi về cấu tạo; ít lỗi về nội dung, chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Thể hiện được thái độ đánh giá và tình cảm, cảm xúc cá nhân qua cách dùng từ ngữ, cách diễn đạt.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (trao đổi với các bạn về cấu tạo đoạn văn và tìm ý cho bài làm); NL tự chủ và tự học (qua việc thể hiện ý kiến, quan điểm của bản thân về một hiện tượng xã hội).

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng PC trách nhiệm (có ý thức và hành động tuân thủ quy định chung, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng).

**- KNS**: Tìm kiếm và xử lí thông tin (kĩ năng lập bảng thống kê). Hợp tác(kĩ năng hợp tác tìm kiếm thông tin để hoàn thành bảng thống kê).

-Thể hiện sự tự tin(thuyết trình kết quả tự tin)

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu thể hiện trò chơi ở phần khởi động và các gợi ý ở Bài viết 3.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một, vở viết.

**III. Các hoạt động dạy và học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động:** | | | |
| - 1 HS điều khiển (dẫn chương trình) cả lớp chơi trò chơi : “Ai nhanh hơn” .  GV chiếu câu hỏi, dẫn chương trình đọc câu hỏi trên màn hình. Bạn nào giơ tay nhanh sẽ được mời trả lời câu hỏi.  CH1: Cấu tạo đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội gồm mấy phần? Là những phần nào?  CH2: Phần mở đoạn nêu những gì?  CH3: Trong phần thân đoạn bạn nêu những gì?  CH4: Bạn hãy nêu câu kết đoạn trong đoạn văn mà bạn định giới thiệu?  - GV + HS nhận xét  - GV giới thiệu bài: Các em đã biết cấu tạo và cách lập dàn ý đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội ở các tiết học trước. Hôm nay, chúng ta sẽ thực hành viết đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.  - HS trả lời  CH1: Cấu tạo đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội gồm 3 phần: Mở đoạn , thân đoạn và kết đoạn .  - Phần mở đoạn nêu hiện tượng, sự vật và ý kiến của em (tán thành hay không tán thành)  CH3: Đưa ra những lí do giải thích cho ý kiến..  CH4: HS nêu - HS khác nhận xét, bổ sung. | | |
| **2. Hoạt động thực hành – Luyện tập**  **Mục tiêu:**  - Học sinh trao đổi được với bạn những ý chính về đề văn mà mình lựa chọn dựa theo các gợi ý.  - HS viết được đoạn văn theo dàn ý trên. | | |
| **Hoạt động 1: Viết đoạn văn**  **Cách tiến hành:**  - GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của Bài 1 và các câu hỏi gợi ý.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân chuẩn bị đề mình lựa chọn. HS thảo luận nhóm đôi nội dung mình đã chuẩn bị.  - GV gọi 1 HS lựa chọn đề và hỏi HS theo các câu hỏi gợi ý trong SGK (để làm mẫu):  + Ở câu mở đoạn, em sẽ nêu ý kiến của mình như thế nào?  + Lí do đồng tình/không đồng tình của em là gì?  + Em khẳng định lại điều gì ở câu kết đoạn?  + Đọc thầm lại dàn ý đã lập, điều chỉnh dàn ý (nếu cần).  - GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết đoạn văn. Chú ý viết câu đúng cấu tạo ngữ pháp, lựa chọn từ ngữ phù hợp, giàu hình ảnh,...  + Đọc lại bài viết : phát hiện và sửa lỗi (nếucó); sửa bài viết cho hay(thay thế từ ngữ, viết lại câu,...).  **Hoạt động 3: Bình chọn đoạn văn hay**  **-** GV chia lớp thành 5 nhóm: Các nhóm tổ chức đọc đoạn văn đã viết, mỗi nhóm bình chọn ra một đoạn văn hay nhất.  - GV trao phần thưởng (hoặc biểu dương, khen ngợi) những HS có bài viết được bình chọn.  - GV nêu nhận xét về tiết học. | | - 2 HS đọc đề bài và câu hỏi gợi ý.  - HS làm việc cá nhân, dựa vào câu hỏi gợi ý trong SGK để chuẩn bị cho bài giới thiệu của mình (HS viết các gợi ý vào vở nháp).  - HS làm việc nhóm, trao đổi theo gợi ý trong SGK. GV theo dõi, giúp đỡ HS, nhắc các em chọn chi tiết tiêu biểu để giới thiệu, ghi chép trong quá trình nghe; hướng dẫn các em cách trao đổi với bạn.  - Một số học sinh trình bày trước lớp  - Các HS còn lại nêu ý kiến, góp ý, hỏi thêm những chi tiết chưa rõ.  - HS lắng nghe  - HS viết đoạn văn vào vở ô li.  - HS soát lỗi bài viết.  - HS đọc đoạn văn của mình, HS khác lắng nghe, nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng”** | | |
| - Học sinh về nhà đọc lại đoạn văn cho người thân nghe. | |  |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 2: Lịch sử - Địa lí

**BÀI 12: TRIỀU NGUYỄN (TIẾT 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh, …) liên quan đến Triều Nguyễn.

- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, vua Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...).

- Yêu nước: tự hào về lịch sử quê hương, đất nước.

**II. Đồ dùng dạy học:** Máy tính, tivi**,**  Phiếu học tập, lược đồ, hình ảnh tiêu biểu về Triều Nguyễn.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Luyện tập thực hành** | |
| - GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi: “Nhà nghệ thuật tài năng”. GV phổ biến luật chơi: HS cùng thiết kế các hình ảnh tuyên truyền về các nhân vật lịch sử theo nhóm.  + Nhóm nào có hình ảnh và hình thức đẹp và sáng tạo sẽ chiến thắng.  - GV tổ chức cho các nhóm thực hiện.  - GV quan sát, hỗ trợ học sinh kịp thời.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp. (GV hỗ trợ HS trình chiếu PowerPoint, chụp ảnh sản phẩm chia sẻ trên màn hình máy tính). | **-** HS lắng nghe phổ biến.  - HS thực hiện theo nhóm: Thiết kế theo nhiều hình thức:  + Vẽ sơ đồ tư duy, vẽ tranh.  + Làm PowerPoint trình chiếu.  - HS cử đại diện chia sẻ tác phẩm của nhóm.  - Các nhóm khác lắng nghe, phỏng vấn để khắc sâu kiến thức. |
| **4. Vận dụng** | |
| - GV tổ chức cho HS “Viết thư về nguồn”: Viết thư gửi cho các nhân vật lịch sử. (GV thiết kế nội dung yêu cầu trên PowerPoint để HS rõ yêu cầu hơn).  - GV quan sát, hỗ trợ.  - Tổ chức cho HS chia sẻ thư.  - Nhắn nhủ HS chia sẻ thư của mình đến gia đình, buổi học sau mang đến lớp để lưu kỉ niệm.  **5. Củng cố, dặn dò:**  - GV đặt các câu hỏi ôn lại kiến thức bài học  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương những HS học tốt. | **-** HS lắng nghe yêu cầu, cùng viết thư để gửi về nguồn.  - HS viết thư có nội dung ngắn gọn.  - HS đọc thư của mình trước lớp.  - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện.  - Theo dõi, thực hiện |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Tiết 3: Tự chọn – Toán

**LUYỆN TẬP GIẢI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kiểu bài toán về tỉ số %: tìm tỉ số phần trăm của 2 số.

- Rèn kĩ năng giải toán về tỉ số % .

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tìm hiểu về cách tìm tỉ số phần trăm của 2 số và giải toán về tỉ số % .

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**\* Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; có ý thức giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**GV:** Bảng phụ ghi bài tập 1.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Cho HS chơi trò chơi"Nối nhanh, nối đúng"   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 15% của 60 |  | 9 | | 20% của 45 | 7,2 | | 50% của 32 | 30 | | 30% của 90 | 16 |   - GV nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2: Thực hành:**  **Bài 1:**(BP) Có 2 thùng dầu: thùng 1 chứa 24 lít dầu, thùng hai chứa 32 lít dầu. Hỏi:  a) Tỉ số % giữa số lít dầu của thùng thứ nhất và số lít dầu của thùng thứ hai là bao nhiêu ?  b) Số lít dầu của thùng thứ nhất chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số lít dầu ở 2 thùng?  - Cho HS tìm hiểu lại ý nghĩa của các tỉ số % trong bài.  - Cho HS tự làm rồi hướng dẫn chữa bài  Đ/s : a) 75 % b) 42,85 %  => Củng cố cách tìm tỉ số % giữa 2 số.  **Bài 2:** Cửa hàng bán một máy tính với giá  6 750 000 đồng. Tiền vốn để mua máy tính đó là 6 000 000 đồng. Hỏi khi bán một máy tính cửa hàng được lãi bao nhiêu phần trăm ?  - Yêu cầu HS đọc đề, phân tích đề.  - Muốn biết cửa hàng được lãi bao nhiêu phần trăm ta cần biết gì ?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - Kiểm tra, nhận xét một số bài.  - Hướng dẫn chữa bài.  Đáp số : 12,5%  *Chốt : Muốn tính phần trăm tiền lãi ta làm thế nào ?*  **Bài 3\*:** Ngày thường 10 000 đồng mua được 5 bông hoa. Ngày lễ 10 000 đồng chỉ mua được 4 bông hoa. Hỏi giá hoa ngày lễ tăng bao nhiêu phần trăm so với giá hoa ngày thường ?  - GV nêu câu hỏi gợi ý để HS rút ra các bước giải như sau :  % tăng  ║  Số tiền tăng : giá cũ  ║  Giá mới – giá cũ  ║ ║  10000 : 4 10000 : 5  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - Kiểm tra, nhận xét một số bài.  - Hướng dẫn chữa bài.  *=>Chốt : Muốn biết giá của một sản phẩm tăng lên bao nhiêu phần trăm ta làm thế nào ? ( Ta lấy số tiền tăng lên của mỗi sản phẩm chia cho giá cũ)*  **3. Vận dụng:**  - GV yêu cầu HS nêu lại kiểu bài đã học trong dạng toán tỉ số phần trăm và cách làm.  - Nhận xét tiết học; dặn HS ôn lại bài. | - HS nêu rõ cách làm  - 1HS giải thích rõ yêu cầu tính ở phần b) 🠢 nêu các bước làm  (tìm tổng số lít dầu ở hai thùng 🠢tìm tỉ số phần trăm giữa số dầu thùng thứ nhất với số dầu ở hai thùng)  - HS làm trong vở  - 1 HS chữa bài  - 1 HS đọc đề và nêu yêu cầu  - HS nêu kiểu bài: tìm giá trị một số phần trăm của một số.  - Cần biết cửa hàng đã lãi bao nhiêu tiền.  - 1 HS nêu lại cách làm  - Tự làm trong vở;1 HS chữa bài trên bảng lớp.  - Ta lấy số tiền bán được trừ đi tiền gốc (đó là tiền lãi) sau đó lấy số tiền lãi chia cho số tiền gốc.  - 1 HS đọc đề  - Phân tích, tóm tắt bài toán :  Ngày thường:10000 đồng : 5 bông  Ngày lễ : 10000 đồng : 4 bông Tăng : ... %  - HS nêu các bước giải.  - HS làm bài vào vở.  - 1 HS chữa bài trên bảng.  Bài giải  Ngày thường mua một bông hoa hết số tiền là :  10000 : 5 = 2000 (đồng)  Ngày lễ mua một bông hoa hết số tiền là :  10000 : 4 = 2500 ( đồng)  Giá mỗi bông hoa tăng lên là :  2500 – 2000 = 500 ( đồng)  Giá hoa ngày lễ đã tăng lên số phần trăm là :  500 : 2000 = 0,25  0,25 = 25%  Đáp số : 25%  - 2 HS nhắc lại.  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy ( nếu có ):**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |
| --- |
| **Lãnh đạo duyệt Người soạn bài**  *( Nhận xét và ký duyệt )*  *Nguyễn Thị Thu Hà* |